



Số: 01/2026/BH-DHĐCD-APSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
Địa chỉ : Tầng 5, 14 Láng Hạ, P. Giảng Võ, Tp. Hà Nội
Giấy CNĐKDN : 0102116349 do Sở Kế hoạch và Đầu tư T.p Hà Nội cấp lần đầu
ngày 28/12/2006
Địa điểm : Tầng 5, 14 Láng Hạ, P Giảng Võ, Tp. Hà Nội
Thời gian Đại hội : Bắt đầu lúc 08h30 phút ngày 24/04/2026
Chương trình và nội : Theo Chương trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thường
dung Đại hội niên 2026 đã được ĐHĐCD thông qua (đính kèm Biên bản này)
Chủ tọa Đại hội : Bà Vũ Thị Thu Thủy - Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HDQT”)
Thư ký : Bà Nguyễn Hồng Anh

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố điều kiện tiến hành Đại hội:

Bà Phạm Thị Thu Hoài thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

- Tổng số cổ đông của Công ty được mời (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/03/2026) là 10 cổ đông, sở hữu 52.757.460 cổ phần, tương ứng với 52.757.460 phiếu biểu quyết;
- Tính đến thời điểm 09h00 ngày 24/04/2026, tổng số cổ đông tham dự Đại hội là 7 cổ đông (bao gồm 4 cổ đông tham dự trực tiếp và 3 cổ đông thông qua ủy quyền), sở hữu 43.457.460 cổ phần, tương ứng với 43.457.460 phiếu biểu quyết, chiếm 82,37% số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành và Điều lệ Công ty, ĐHĐCD thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha đã đủ điều kiện tiến hành.

2. Thủ tục khai mạc Đại hội

Bà Phạm Thị Thu Hoài thay mặt Ban Tổ chức Đại hội tuyên bố khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội gồm: Các cổ đông, thành viên HDQT, thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”), Ban Lãnh đạo Công ty và khách mời.

2.1. Thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm phiếu:

100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách thành viên Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

▪ **Đoàn Chủ tọa gồm các thành viên:**

- Bà Vũ Thị Thu Thủy Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội

- Ông Nguyễn Anh Trung Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh Thành viên HĐQT
- **Thư ký:** Chủ tọa Đại hội chỉ định Thư ký:
- Bà Nguyễn Hồng Anh
- **Ban Kiểm phiếu gồm các thành viên sau:**
- Bà Bùi Lê Na Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Minh Tú Thành viên
- Bà Phạm Hoàng Lan Thành viên

3. Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

- **Chương trình Đại hội được thông qua với kết quả biểu quyết như sau:**

Tổng số phiếu biểu quyết:	43.457.460 phiếu;	
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	43.457.460 phiếu	Tỷ lệ: 100%
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%

Kết quả biểu quyết:		
- Tổng số phiếu Tán thành:	43.457.460 phiếu	Tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu Không tán thành:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu Không có ý kiến:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%

- **Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội được thông qua với kết quả biểu quyết như sau:**

Tổng số phiếu biểu quyết:	43.457.460 phiếu;	
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	43.457.460 phiếu	Tỷ lệ: 100%
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%

Kết quả biểu quyết:		
- Tổng số phiếu Tán thành:	43.457.460 phiếu	Tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu Không tán thành:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu Không có ý kiến:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%

- **Quy chế bầu cử tại Đại hội được thông qua với kết quả biểu quyết như sau:**

Tổng số phiếu biểu quyết:	43.457.460 phiếu;	
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	43.457.460 phiếu	Tỷ lệ: 100%
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%

Kết quả biểu quyết:		
- Tổng số phiếu Tán thành:	43.457.460 phiếu	Tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu Không tán thành:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu Không có ý kiến:	0 phiếu	Tỷ lệ: 0%

II. NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. **Bà Vũ Thị Thu Thủy - Chủ tịch HĐQT:** Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
2. **Ông Nguyễn Anh Trung - Tổng Giám đốc:** Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;
3. **Ông Nguyễn Thế Ninh – Thành viên Ban Kiểm soát:** Trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;
4. **Ông Nguyễn Anh Trung - Tổng Giám đốc trình bày các nội dung sau:**

- Tờ trình v/v Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;
- Tờ trình v/v Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;
- Tờ trình v/v Kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- Tờ trình v/v Tình hình chi trả thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT, thành viên BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026;
- Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- Tờ trình v/v Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

III. CỔ ĐÔNG DỰ HỢP THAM GIA THẢO LUẬN

Tại cuộc họp, các cổ đông tham dự họp đã tập trung lắng nghe các nội dung trong các báo cáo, tờ trình tại Đại hội.

IV. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT (BẢNG HÌNH THỨC BỎ PHIẾU KÍN)

ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết nội dung các Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội gồm:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026
2. Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc năm 2025 và kế hoạch năm 2026
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026
4. Tờ trình v/v Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
5. Tờ trình v/v Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025
6. Tờ trình v/v Kế hoạch kinh doanh năm 2026
7. Tờ trình v/v Tình hình chi trả thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT, thành viên BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026
8. Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026
9. Tờ trình v/v Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty
10. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
11. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT
12. Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028
13. Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Tính đến thời điểm thực hiện biểu quyết các nội dung được trình bày trong Đại hội, số cổ đông tham dự là 7 cổ đông (bao gồm 4 cổ đông tham dự trực tiếp và 3 cổ đông thông qua ủy quyền) sở hữu: **43.457.460** cổ phần, tương ứng với **43.457.460** phiếu biểu

quyết, chiếm 82,37% số phiếu biểu quyết của Công ty. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội như sau:

- ❖ **Tổng số phiếu phát ra: 04 phiếu, đại diện cho 43.457.460 phiếu biểu quyết đối với từng nội dung Đại hội.**
- ❖ **Tổng số phiếu thu về: 04 phiếu, đại diện cho 43.457.460 phiếu biểu quyết đối với từng nội dung Đại hội.**

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với từng nội dung: 04 phiếu, đại diện cho 43.457.460 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ đối với từng nội dung: 0 phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

❖ **Kết quả biểu quyết**

Stt	Nội dung biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026	43.457.460	100	0	0	0	0
2	Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc năm 2025 và kế hoạch năm 2026	43.457.460	100	0	0	0	0
3	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026	43.457.460	100	0	0	0	0
4	Tờ trình v/v Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025	43.457.460	100	0	0	0	0
5	Tờ trình v/v Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025	43.457.460	100	0	0	0	0
6	Tờ trình v/v Kế hoạch kinh doanh năm 2026	43.457.460	100	0	0	0	0
7	Tờ trình v/v Tình hình chi trả thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT, thành viên BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026	43.457.460	100	0	0	0	0
8	Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	43.457.460	100	0	0	0	0

Stt	Nội dung biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %
9	Tờ trình v/v Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty	43.457.460	100	0	0	0	0
10	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	43.457.460	100	0	0	0	0
11	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT	43.457.460	100	0	0	0	0
12	Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028	43.457.460	100	0	0	0	0
13	Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ	43.457.460	100	0	0	0	0

VI. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028

1. Bà **Phạm Thị Thu Hoài** thay mặt Ban Tổ chức Đại hội đọc:

Danh sách ứng viên Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Ngọc Khang

2. Bà **Bùi Lê Na** thay mặt Ban Kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội thực hiện bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Sau khi hoàn tất kiểm phiếu, Bà **Bùi Lê Na** - Thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

Kết quả Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Số phiếu phát ra: 04 phiếu, Tương ứng với: 43.457.460 phiếu biểu quyết

Số phiếu thu về: 04 phiếu, Tương ứng với: 43.457.460 phiếu biểu quyết

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ: 04 phiếu, Tương ứng với: 43.457.460 phiếu biểu quyết

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, Tương ứng với: 0 phiếu biểu quyết

Số phiếu trắng: 0 phiếu, Tương ứng với: 0 phiếu biểu quyết

Kết quả:

STT	Ứng viên	Vị trí đề cử	Số phiếu Bầu nhận được	Bầu lần
1	Ông Nguyễn Ngọc Khang	Thành viên BKS	43.457.460	Lần 1

VII. NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI THÔNG QUA

Căn cứ vào kết quả biểu quyết tại Đại hội, ĐHĐCĐ thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

Stt	Các nội dung được thông qua	Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua (%)
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026	100
2	Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc năm 2025 và kế hoạch năm 2026	100
3	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026	100
4	Tờ trình v/v Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025	100
5	Tờ trình v/v Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025	100
6	Tờ trình v/v Kế hoạch kinh doanh năm 2026	100
7	Tờ trình v/v Tình hình chi trả thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT, thành viên BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026	100
8	Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	100
9	Tờ trình v/v Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty	100
10	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	100
11	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT	100
12	Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028	100
13	Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ	100

Ứng viên trúng cử làm thành viên BKS trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 - 2028:

STT	Ứng viên	Vị trí đề cử	Số phiếu Bầu nhận được	Kết quả
1	Ông Nguyễn Ngọc Khang	Thành viên BKS	43.457.460	Trúng cử

VIII. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Hồng Anh - Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha.
2. Bà Vũ Thị Thu Thủy - Chủ tọa Đại hội xin ý kiến biểu quyết của Đại hội về việc thông qua Biên bản họp và Nghị quyết đã trình bày. 100% tổng số phiếu biểu quyết tại

Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha.

3. Bà Phạm Thị Thu Hoài thay mặt Ban Tổ chức tuyên bố bế mạc Đại hội.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ

Nguyễn Hồng Anh

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Vũ Thị Thu Thủy



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ALPHA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
Ngày 24 tháng 04 năm 2026

STT	Họ và tên	Số CMND/Số Giấy CNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Ký tham dự		Ghi chú
					Trực tiếp	Ủy quyền	
1	Đinh Tuấn Anh			9,987,535			
2	Trịnh Kim Chi			2,905,464			
3	Phạm Tuấn Anh			2,000,000			
4	Nguyễn Thu Hiền			3,140,000			
5	Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Alpha			8,637,536			
6	Phạm Hiền Trang			4,160,000			
7	Vũ Thị Thu Thủy			9,579,900			
8	Đỗ Như Đợi			5,211,025			
9	Nguyễn Thị Phương Anh			5,136,000			



STT	Họ và tên	Số CMND/Số Giấy CNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Ký tham dự		Ghi chú
					Trực tiếp	Ủy quyền	
10	Nguyễn Hoàng Thủy			2,000,000			

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026



Vũ Thị Thu Thủy



NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Điều lệ CTCP Chứng khoán Alpha;
- Căn cứ các Báo cáo, Tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha ngày 24/04/2026,



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
2. Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 02/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 03/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 04/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về Tình hình chi trả thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT, thành viên BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 05/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 06/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 07/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 08/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 10: Thông qua Tờ trình số 09/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 của Công ty như sau:

- Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với bà **Lưu Hồng Huệ** kể từ ngày 24/04/2026.

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Khang làm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 kể từ ngày 24/04/2026.

Điều 11. Thông qua Tờ trình số 10/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về việc Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông

Điều 12. Điều khoản thi hành

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2026.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các phòng/ban/đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của cổ đông, của Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Việt Nam;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Thị Thu Thủy

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Tầng 5, 14 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

ĐT/Phone: 024.39334666

Fax: 024.39334668

Website: www.apsc.vn**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026****Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha****Thời gian Đại hội:** Bắt đầu từ 08 giờ 30 phút ngày 24/04/2026**Địa điểm:** Tầng 5, 14 Láng Hạ, phường Giảng Võ, Tp. Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08:30 - 09:00	- Đón tiếp đại biểu, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu cho cổ đông
09:00 - 09:10	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và công bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của Pháp luật
09:10 - 09:15	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội
	- Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội
09:15 - 09:20	- Thông qua Chương trình Đại hội
	- Thông qua Quy chế làm việc
	- Thông qua Quy chế bầu cử, ứng cử thành viên BKS
09:20 - 09:35	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	- Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026
09:35 - 10:15	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025
	- Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025
	- Tờ trình thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026
	- Tờ trình thông qua Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 cho HĐQT, BKS
	- Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026
	- Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty
	- Tờ trình thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	- Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT
	- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028
	- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
10:15 - 10:30	- Hội nghị biểu quyết các vấn đề tờ trình, bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 và thảo luận
10:30 - 10:45	- Kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028
	- Thành viên BKS mới được bầu ra mắt Đại hội, phát biểu và cảm ơn Đại hội
10:45 - 11:00	- Thông qua Biên bản Đại hội
	- Bế mạc Đại hội



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Hôm nay vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường tầng 5, 14 Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha gồm:

- Bà Phạm Thị Thu Hoài – Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thùy Nhung – Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên

Đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha.

Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

1. Tổng số cổ đông của Công ty (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/3/2026) là: 10 cổ đông, nắm giữ 52.757.460 cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Tính đến thời điểm 09 giờ 00 phút, tổng số cổ đông tham dự Đại hội (trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền) là: 7 cổ đông.

Trong đó:

- Cổ đông tham dự trực tiếp: 4 cổ đông
- Cổ đông tham dự thông qua ủy quyền: 3 cổ đông.
- Sở hữu và đại diện sở hữu: 43.457.460 cổ phần, chiếm 82,37% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

3. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha với số lượng tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 09 giờ 10 phút ngày 24/4/2026 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Thành viên

Nguyễn Thùy Nhung

Trưởng ban

Phạm Thị Thu Hoài

Thành viên

Nguyễn Thị Phương Thảo

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tham dự:

Cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 31/03/2026) được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CCCD/CC hoặc Hộ chiếu) và thư mời tham dự nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

III. ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông có thể ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và biểu quyết tại Đại hội trong phạm vi được ủy quyền. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
2. Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định:
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
 - Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

IV. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Mỗi cổ đông được cấp **01 Phiếu biểu quyết**, trong đó có ghi mã số tham dự, tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha.
- Cổ đông vì lý do cá nhân không tham dự và ra về trước lúc biểu quyết mà không thông báo với Đoàn Chủ tịch thì được coi như tán thành tất cả nội dung biểu quyết của Đại hội kể từ thời điểm ra về.

2. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

3. Cách biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

Thông qua các nội dung biểu quyết theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch và Ban tổ chức.

4. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

- Đối với quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ **35%** trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty thì phải được ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Đối việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

- Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

VI. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu vào phiếu đặt câu hỏi, sau đó chuyển cho tổ giúp việc gửi Đoàn chủ tịch. Tổ giúp việc cho Đoàn chủ tịch có trách nhiệm tổng hợp ý kiến gửi cho Đoàn Chủ tịch thông qua tổ Thư ký đại hội.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

Trách nhiệm của Đoàn chủ tịch:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo chương trình đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
- Trả lời hoặc chỉ định những người có trách nhiệm giải đáp những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do HĐQT chỉ định. Ban kiểm tra tư cách có trách nhiệm kiểm tra tư cách đại biểu và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch chỉ định và có các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội và thông qua trước khi bế mạc.
- Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội.
- Tiếp nhận phiếu đặt câu hỏi của các cổ đông qua tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cổ đông. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc thực hiện biểu quyết. *am*

- Thu phiếu và tiến hành kiểm phiếu.
- Công bố trước Đại hội kết quả kiểm phiếu.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

XI. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi lại vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua và chỉ có hiệu lực trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP HĐQT, HC.



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 - 2028**

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha.

2. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này được sử dụng cho việc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Chứng khoán Alpha (“APSC”);
- Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia bầu cử và thể thức tiến hành bầu cử.

3. Đối tượng áp dụng

- Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và những người có liên quan đến quá trình bầu cử thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của APSC có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

4. Phương thức bầu cử

- Việc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Trên phiếu bầu cử của mỗi cổ đông đều có ghi tổng số phiếu bầu bằng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên BKS được bầu;
- Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên hoặc phân chia phiếu bầu cho toàn bộ hoặc một số ứng viên. Cổ đông bầu cho ứng viên nào thì viết số phiếu bầu hoặc đánh dấu X vào cột “số phiếu bầu” của người đó; nếu không bầu thì để trống. Trường hợp cổ đông đánh dấu X vào cột “số phiếu bầu” cho một ứng viên thì được hiểu là cổ đông đó dồn hết số phiếu bầu cho ứng viên đó, trường hợp cổ đông đánh dấu X vào cột “số phiếu bầu” cho nhiều hơn một ứng viên thì số phiếu bầu của cổ đông đó sẽ được chia đều cho các ứng viên mà cổ đông đó đánh dấu, số cổ phiếu lẻ sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (ví dụ: cổ đông A có tổng số phiếu bầu là 201 phiếu và đánh dấu X cho 2 ứng viên thì số phiếu của cổ đông A được tính cho mỗi ứng viên là $201:2 = 100,5$ sẽ được làm tròn xuống 100 phiếu). Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu trên phiếu bầu cử.

5. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu do Ban tổ chức phát hành, trên mỗi phiếu bầu có ghi tên của các ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát: *auk*



- Trường hợp muốn sửa đổi phải gạch bỏ đề ngang lên số phiếu bầu đã ghi sai, ký tên ngay bên cạnh chỗ đã gạch bỏ và ghi lại số phiếu bầu đúng.
- Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức;
 - Phiếu không có dấu của APSC;
 - Phiếu bị rách rời, có tẩy xóa, sửa chữa các nội dung đã in sẵn trên phiếu;
 - Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên ghi trên phiếu bầu của cử động vượt quá số phiếu bầu mà cử động có;
 - Phiếu ghi tên người ngoài danh sách đề cử, ứng cử hợp lệ, phiếu có viết thêm;
 - Phiếu không có chữ ký của cử động.

6. Ban kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cử động thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cử động APSC nhưng không phải là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào BKS;
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu, bao gồm: Chuẩn bị hòm phiếu; phổ biến trình tự bỏ phiếu; kiểm tra tư cách đại biểu và phiếu bầu; giám sát việc bỏ phiếu của các cử động và tổ chức kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Ban Tổ chức Đại hội.
- Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

7. Kiểm phiếu

- Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

8. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên đủ điều kiện để trúng cử vào thành viên Ban Kiểm soát

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định là ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp (do cử bầu 01 thành viên BKS).
- Trường hợp có hai ứng cử viên đạt số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu sau hai lần bầu mà vẫn không chọn được thành viên BKS theo yêu cầu thì ĐHĐCĐ có thể biểu quyết đề khuyết thành viên BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

9. Công bố kết quả kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu, Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội *anh*

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua và chỉ có hiệu lực trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP HĐQT, HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy





(NHÓM) CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2026

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
NHIỆM KỲ 2023-2028**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

Tôi/Chúng tôi/Đơn vị chúng tôi là (nhóm) cổ đông gồm:

STT	Tên cổ đông	Số CCCD/CC/HC/ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Thu Thủy	Số _____ cấp ngày _____ tại CCS QLHC về TTXH	9.579.900	18,16

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử người có tên sau làm ứng cử viên cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028:

1/ Ông: Nguyễn Ngọc Khang

Ngày sinh: _____

Nơi sinh: _____

Địa chỉ thường trú: _____

Địa chỉ liên lạc: _____

Điện thoại: _____

Số CCCD/CC/Hộ chiếu: _____

Ngày cấp: _____

Tại: Cục CS QLHC về TTXH

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Chúng tôi cam đoan các Ông/bà nêu trên có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS của Công ty.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Cổ đông/Nhóm cổ đông ký

Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản đề cử, ứng cử viên về Công ty CP Chứng khoán Alpha địa chỉ tầng 5, 14 Láng Hạ, P. Giảng Võ, Hà Nội trước 17h00 ngày 21/04/2026 (được hiểu là thời gian Ban Tổ chức Đại hội nhận được hồ sơ) để hoàn thiện thủ tục theo quy định.



Hồ sơ kèm theo:

1. Bản gốc Sơ yếu lý lịch của ứng viên (theo mẫu);
2. Bản sao công chứng CCCD/CC của ứng viên (hoặc hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài)
3. Các văn bản khác chứng minh Ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật (nếu có)
4. Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông sở hữu tính đến ngày chốt danh sách họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.



Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản đề cử, ứng cử viên về Công ty CP Chứng khoán Alpha địa chỉ tầng 5, 14 Láng Hạ, P. Giảng Võ, Hà Nội trước 17h00 ngày 21/04/2026 (được hiểu là thời gian Ban Tổ chức Đại hội nhận được hồ sơ) để hoàn thiện thủ tục theo quy định.

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thực hiện quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (“HDQT”) được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (Sau đây gọi là “APSC” hoặc “Công ty”) quy định, HDQT kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“DHDCKD”) kết quả hoạt động của HDQT trong năm 2025 như sau:

Nhiệm kỳ của HDQT Công ty là 05 năm, tính đến thời điểm hiện tại Công ty có 03 thành viên HDQT là các ông bà sau:

- Bà Vũ Thị Thu Thủy - Chủ tịch
- Ông Nguyễn Anh Trung - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thành viên

1. Thu nhập HDQT

Trong năm 2025, theo số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, thù lao của HDQT là: 2,784,156,772 đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Thu nhập/ Thù lao đã nhận trong năm	Tình trạng
1	Bà Vũ Thị Thu Thủy	Chủ tịch HDQT	27,173,913	
2	Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên HDQT	1,337,260,000	
3	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên HDQT	1,043,478	
4	Bà Lưu Hồng Huệ	Chủ tịch HDQT	242,528,991	Đã miễn nhiệm
5	Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên HDQT	643,064,303	Đã miễn nhiệm
6	Ông Lê Văn Cường	Thành viên HDQT	533,086,087	Đã miễn nhiệm
	Tổng cộng		2,784,156,772	

2. Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức triển khai một cách hệ thống, đồng bộ và xuyên suốt việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 đến Ban Tổng Giám đốc và toàn bộ các đơn vị, bộ phận trong Công ty. Việc triển khai được thực hiện trên cơ sở cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu kinh doanh và kế hoạch hành động, gắn với trách nhiệm thực thi của từng cấp quản lý; đồng thời thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết được kiểm soát chặt chẽ, đúng định hướng và đạt hiệu quả cao.

HĐQT duy trì vai trò định hướng chiến lược và giám sát điều hành thông qua việc trực tiếp làm việc, trao đổi chuyên sâu và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Tổng Giám đốc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh. Trên cơ sở bám sát tình hình thực tiễn, HĐQT đã phối hợp cùng Tổng Giám đốc phân tích, đánh giá các yếu tố tác động từ thị trường, từ đó thống nhất và ban hành các giải pháp quản trị linh hoạt, kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn, xử lý các điểm nghẽn trong hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực và kiểm soát rủi ro.

Trước những biến động phức tạp và khó lường của thị trường chứng khoán trong năm 2025, HĐQT đã chủ động nâng cao vai trò chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và công tác tổ chức nhân sự. Các quyết định này được xây dựng trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty; đồng thời đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng nhanh với biến động thị trường, góp phần duy trì ổn định hoạt động, bảo toàn vốn và hướng tới hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ giao.

Bên cạnh đó, HĐQT tăng cường cơ chế giám sát thông qua hệ thống báo cáo quản trị định kỳ và đột xuất, kịp thời nắm bắt diễn biến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra các chỉ đạo điều hành phù hợp. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo hướng minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm giải trình của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị doanh nghiệp và củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Trong năm 2025, HĐQT tổ chức 27 cuộc họp với các nội dung sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/APSC/NQ-HDQT	22/01/2025	NQ-HDQT về việc ban hành chính sách QTRR;	5/5
2	02/2025/APSC/NQ-HDQT	04/03/2025	NQ-HDQT về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;	5/5
3	03/2025/APSC/NQ-HDQT	27/03/2025	NQ-HDQT về việc thông qua nội dung và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	5/5
4	04/2025/APSC/NQ-HDQT	28/03/2025	NQ-HDQT về việc nhận đơn từ nhiệm chức vụ TV HĐQT của bà Nhữ Thị Kim Chung, TV HĐQT độc lập của ông Nguyễn Tuấn Anh	5/5
5	05/2025/APSC/NQ-HDQT	28/03/2025	NQ-HDQT về việc nhận đơn từ nhiệm chức vụ TBKS của ông Hà Thái Sơn;	5/5
6	06/2025/APSC/NQ-HDQT	18/04/2025	NQ-HDQT về việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;	3/3
7	07/2025/APSC/NQ-HDQT	18/04/2025	NQ-HDQT về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT;	3/3
8	08/2025/APSC/NQ-HDQT	25/04/2025	NQ-HDQT về việc thay đổi địa điểm Trụ sở chính;	3/3
9	09/2025/APSC/NQ-HDQT	20/05/2025	NQ-HDQT về việc Phê duyệt hạn mức tín dụng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thái Hà cấp	3/3
10	10/2025/APSC/NQ-HDQT	28/05/2025	NQ-HDQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;	3/3
11	11/2025/APSC/NQ-HDQT	04/06/2025	NQ-HDQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025;	3/3
12	12/2025/APSC/NQ-HDQT	04/06/2025	NQ-HDQT về việc nhận đơn từ nhiệm chức vụ TBKS của Ông Nguyễn Như Nam;	3/3
13	13/2025/APSC/NQ-HDQT	04/06/2025	NQ-HDQT về việc nhận đơn từ nhiệm chức vụ CT HĐQT của Bà Lưu Hồng Huệ;	3/3
14	14/2025/APSC/NQ-HDQT	25/06/2025	NQ-HDQT về việc thông qua nội	3/3

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			dung và tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025;	
15	15/2025/APSC/NQ-HĐQT	26/06/2025	NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm vị trí KTNB đối với ông Lương Cao Phong	3/3
16	16/2025/APSC/NQ-HĐQT	27/06/2025	NQ-HĐQT về việc thông qua NQ về ban hành kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp	3/3
17	16A/2025/APSC/NQ-HĐQT	10/07/2025	NQ-HĐQT về việc nhận đơn từ nhiệm chức vụ TV HĐQT của Ông Lê Văn Cường;	2/2
18	17/2025/APSC/NQ-HĐQT	18/07/2025	Bầu CT HĐQT _Bà Vũ Thị Thu Thủy	3/3
19	18/2025/APSC/NQ-HĐQT	28/08/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng do NHTM CP SHB Chi nhánh Đông Đô cấp	3/3
20	19/2025/APSC/NQ-HĐQT	29/08/2025	Miễn nhiệm nhân sự KTNB đối với ông Lương Cao Phong	3/3
21	20/2025/APSC/NQ-HĐQT	24/09/2025	Chuyển nhượng CCQ PBC cho Công ty TNHH KOCVA Việt Nam	3/3
22	21/2025/APSC/NQ-HĐQT	08/10/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng do Ngân hàng TNHH MTV số Vikki (Vikki Bank) cấp	3/3
23	22/2025/APSC/NQ-HĐQT	08/10/2025	Ủy quyền hoạt động lưu ký CK cho CN HCM	3/3
24	23/2025/APSC/NQ-HĐQT	03/11/2025	Nhận đơn từ nhiệm TV HĐQT của Bà Lê Thị Thu Hương	2/2
25	24/2025/APSC/NQ-HĐQT	10/11/2025	Tổ chức họp Đại hội cổ đông bất thường lần thứ hai năm 2025	2/2
26	25/2025/APSC/NQ-HĐQT	01/12/2025	Bổ nhiệm vị trí KTNB đối với Ông Trần Đăng Đức	2/2
27	26/2025/APSC/NQ-HĐQT	02/12/2025	Nhận đơn từ nhiệm TV BKS của Bà Đào Thị Thanh Huyền	2/2

3. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức 27 cuộc họp (100% thành viên tham dự đầy đủ), kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định quan trọng

và triển khai hiệu quả các nội dung được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 thông qua và ủy quyền.

HDQT đã bám sát, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; đồng thời thực hiện nhanh chóng việc trả mặt bằng và chuyển Công ty về trụ sở mới Tầng 5, số 14 Láng Hạ, Giảng Võ, Hà Nội. Bên cạnh đó, HDQT chỉ đạo kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại bộ máy quản lý tại Hội sở và các Chi nhánh theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả vận hành và kiểm soát.

Về bối cảnh vĩ mô, năm 2025 kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi tích cực với tăng trưởng GDP ước đạt khoảng 6,0–6,5%, lạm phát được kiểm soát quanh mức 3,5–4,0%. Thị trường chứng khoán diễn biến khởi sắc, chỉ số VN-Index tăng khoảng 10–12% so với năm 2024, thanh khoản cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các công ty chứng khoán, dù vẫn tiềm ẩn rủi ro từ biến động kinh tế toàn cầu và áp lực cạnh tranh trong ngành.

Trên cơ sở đó, HDQT đã chủ động chỉ đạo củng cố nguồn lực, đặc biệt là nâng cao chất lượng nhân sự, hoàn thiện mô hình tổ chức và áp dụng sơ đồ bộ máy nhằm tăng cường tính chuyên môn hóa và kiểm soát nội bộ. Đồng thời, HDQT tăng cường giám sát hoạt động kinh doanh, yêu cầu hoàn thiện chứng chỉ hành nghề, rà soát và chuẩn hóa hệ thống quy trình, quy chế theo đúng quy định pháp luật.

HDQT cũng duy trì phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong công tác giám sát hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc, qua đó nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản trị và đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ giao.

4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Năm 2025 – trong bối cảnh thị trường tài chính toàn cầu và trong nước có nhiều biến động, HDQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên trong việc duy trì hoạt động ổn định, liên tục của Công ty; chủ động tìm kiếm khách hàng mới thông qua các kênh truyền thống và hợp tác với đối tác công nghệ, đồng thời xây dựng các kịch bản kinh doanh và giải pháp ứng phó linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. 

Trong năm, HĐQT đã triển khai công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc (TGD) và các đơn vị thông qua các cơ chế: (i) theo dõi báo cáo kết quả hoạt động định kỳ hàng tháng, hàng quý; (ii) tham gia và giám sát tại các cuộc họp giao ban điều hành toàn Công ty; và (iii) tiếp nhận, xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban Kiểm soát đối với công tác quản trị, điều hành.

Kết quả giám sát cho thấy Ban TGD và đội ngũ quản lý đã nỗ lực lớn trong công tác điều hành, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Trọng tâm bao gồm: tìm kiếm, đánh giá các địa bàn tiềm năng để mở rộng mạng lưới chi nhánh; kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý; tái cấu trúc nhân sự theo hướng chuyên môn hóa các khối kinh doanh; nâng cao hiệu quả điều hành; đồng thời thúc đẩy tăng trưởng doanh thu từ các mảng hoạt động trọng yếu như dịch vụ chứng khoán, ngân hàng đầu tư và hoạt động tài chính.

Những giải pháp nêu trên đã góp phần cải thiện kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 8.040.237.157 đồng, phản ánh hiệu quả bước đầu của quá trình tái cấu trúc và tăng cường quản trị điều hành.

5. Kế hoạch trong năm 2026

Hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty; chủ động tìm kiếm, lựa chọn và hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước có năng lực tài chính, kinh nghiệm và uy tín nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới mục tiêu trở thành công ty chứng khoán có vị thế dẫn đầu trên thị trường.

Tiếp tục tái cấu trúc và hoàn thiện mô hình tổ chức, hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch; tăng cường hiệu quả giám sát, kiểm soát nội bộ, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa nguồn lực trong toàn Công ty.

Mở rộng và đa dạng hóa các nghiệp vụ kinh doanh trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và yêu cầu của cơ quan quản lý.

Đẩy mạnh phát triển các dự án và sản phẩm mới, đặc biệt trong các lĩnh vực dịch vụ chứng khoán, ngân hàng đầu tư và tài chính; qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh, cải thiện lợi nhuận và từng bước củng cố vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán. 

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 

Vũ Thị Thu Thủy





Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành CTCP Chứng khoán Alpha.

Ban Kiểm soát (“BKS”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch 2026 như sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Nhiệm kỳ và thành viên của Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Công ty là 05 năm và tính đến thời điểm hiện tại Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

- Bà Lưu Hồng Huệ - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thành viên
- Nguyễn Thế Ninh - Thành viên

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2025

Trong năm 2025, BKS đã thực hiện 06 cuộc họp với tỷ lệ tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lưu Hồng Huệ	02/06	100%	100%	TBKS từ ngày 18/07/2025
2	Nguyễn Thị Hương Trà	06/06	100%	100%	
3	Nguyễn Thế Ninh	01/06	100%	100%	TV BKS từ ngày 22/12/2025
4	Nguyễn Như Nam	03/06	100%	100%	TBKS từ ngày 18/04/2025 Gửi đơn từ nhiệm ngày 04/06/2025
5	Đào Thị Thanh Huyền	05/06	100%	100%	TV BKS từ ngày 18/04/2025 Miễn nhiệm ngày 22/12/2025

Thời gian, nội dung cuộc họp bao gồm:

STT	Thời gian	Nội dung
1	18/04/2025	Bầu Trưởng BKS sau ĐHĐCĐ thường niên 2025
2	18/04/2025	Quy chế hoạt động của BKS
3	18/04/2025	Quy trình kiểm tra, kiểm soát của BKS
4	30/06/2025	Họp sơ kết nửa năm 2025
5	18/07/2025	Bầu Trưởng BKS sau ĐHĐCĐ bất thường
6	31/12/2025	Họp tổng kết cả năm 2025

Cùng với đó, Ban Kiểm soát (BKS) được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT), qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, đồng thời thực hiện hiệu quả vai trò và trách nhiệm của mình.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty, trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty, cũng như việc triển khai các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2025 và các nghị quyết của HDQT;
- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng với HDQT, Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các khối, phòng ban trong Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế và quy trình nội bộ; đồng thời đánh giá tính hợp lý trong công tác điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực nhằm triển khai kế hoạch kinh doanh;
- Phối hợp với các phòng/ban nghiệp vụ trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định chi tiết cho các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Giám sát tình hình tài chính, kế toán của Công ty; kiểm tra, rà soát các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của các số liệu tài chính;
- Tham gia ý kiến với đơn vị kiểm toán độc lập và Ban Tổng Giám đốc trong việc rà soát báo cáo tài chính bán niên và năm 2025 trước khi công bố.

3. Đánh giá năng lực, hiệu quả của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động, từng thành viên Ban Kiểm soát luôn phát huy năng lực chuyên môn, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát một cách độc lập và khách quan; đồng thời đưa ra các ý kiến riêng về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính cũng như mức độ tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành khi phát hiện sai sót hoặc các hoạt động tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát nội bộ.

Các ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát, cũng như của từng thành viên, đều được Hội đồng quản trị đánh giá cao về chất lượng và tính kịp thời;

Tuy nhiên, công tác phối hợp trong quản lý và giám sát tuân thủ cần tiếp tục được tăng cường, bám sát hơn các hoạt động kinh doanh nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của BKS tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính, quy chế tài chính, các quy định nội bộ của Công ty.

Trong năm 2025, BKS nhận thù lao theo NQ đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Thu nhập/ Thù lao đã nhận trong năm	Tình trạng
1	Lưu Hồng Huệ	Trưởng Ban kiểm soát	172,626,661	
2	Nguyễn Thị Hương Trà	Thành viên Ban kiểm soát	6,000,000	
3	Nguyễn Thế Ninh	Thành viên Ban kiểm soát	18,765,326	
4	Hà Thái Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	0	Đã miễn nhiệm
5	Nguyễn Như Nam	Trưởng Ban kiểm soát	0	Đã miễn nhiệm
6	Đào Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	403,357,629	Đã miễn nhiệm
	Tổng cộng		600,749,616	

II. VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công Ty

a. Kết quả giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2025

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát công tác tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh, đồng thời thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát thống nhất đánh giá: trong bối cảnh còn nhiều khó khăn về nguồn lực tài chính, nhân sự và mức độ cạnh tranh gay gắt trên thị trường chứng khoán, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp

thời, cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, qua đó duy trì hoạt động kinh doanh có lãi trong năm 2025.

b. Kết quả giám sát thực hiện các mục tiêu, kế hoạch hoạt động của Công ty

Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 do Phòng Kế toán lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế;

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với các quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán, kiểm toán hiện hành.

Các chỉ tiêu cơ bản đã được thực hiện trong năm 2025 theo số liệu báo cáo tài chính và thực hiện kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	KH2025	TH2025	TH 2024	%TH/KH2025
Tổng Doanh thu	133.716.535.000	55.140.766.443	46.903.566.049	41,24%
Chi phí hoạt động kinh doanh	105.694.724.400	28.478.035.274	18.595.976.325	26,94%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.140.640.000	13.460.918.074	15.139.203.143	66,83%
Lợi nhuận trước thuế	10.321.170.600	10.052.017.850	9.840.929.759	97,39%
Vốn điều lệ	527.574.600.000	527.574.600.000	527.574.600.000	100,00%
Cổ tức	-	-	-	-

c. Kết quả giám sát tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ quản trị của Công ty

- Ban Kiểm Soát nhận thấy Công Ty đã thực hiện nghiêm ngặt các công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công Ty.
- Về việc thực hiện Công Bố Thông Tin theo quy định của pháp luật, trong năm 2025 Công ty đã thực hiện nghiêm ngặt và tuân thủ về thời gian báo cáo, công bố thông tin định kỳ/bất thường của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Trong năm qua, HĐQT, TGD và những người quản lý Công Ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình và tuân thủ theo đúng Điều lệ Công Ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Kết quả giám sát đối với HĐQT trong năm 2025

- HĐQT, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác đã quản lý, điều hành hoạt động Công Ty theo đúng mục tiêu, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng chức năng, quyền hạn tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.
- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã được HĐQT cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, biên bản của các cuộc họp của HĐQT.
- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết được HĐQT thông qua.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu nại nào có liên quan đến HĐQT, cũng như không thấy gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của HĐQT Công ty.

6. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác năm 2025

- Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh trong thời điểm thị trường còn khó khăn trong cả về tình hình kinh tế và thị phần của Công ty trên thị trường Chứng khoán.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
- Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với các Khối/Phòng/Ban kinh doanh của công ty, thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ với các khối/phòng/ban để kịp thời nắm bắt và đánh giá các hoạt động kinh của Công ty.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu nại nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Ban Kiểm soát đã nghiêm túc chấn chỉnh và xử lý các hoạt động sai phạm mà không thông báo/chậm thông báo tới các đơn vị nghiệp vụ để kịp thời Công Bố Thông Tin đúng hạn theo quy định của Luật Chứng khoán và các tài liệu hướng dẫn luật khác có liên quan.

7. Kiến nghị

Ban Kiểm soát có kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Tiếp tục rà soát và củng cố bộ máy tổ chức, hoàn thiện nhân sự và chuyên môn theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;
- Củng cố năng lực tài chính, thích ứng với các quy định, điều kiện mới (nếu có) về cung cấp dịch vụ chứng khoán của cơ quan quản lý nhà nước và các sở giao dịch chứng khoán;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát và phối hợp chặt chẽ với các Cán bộ quản lý tránh các phát sinh gây rủi ro ảnh hưởng tới quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2026

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của BKS và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Công ty, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2026 như sau:

- Năm 2026, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty; sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá và phân tích các hoạt động của Công ty thông qua Báo cáo tài chính, đồng thời giám sát chặt chẽ các hoạt động khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật khác có liên quan;
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra/giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công Ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công Ty;
- Rà soát các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người liên quan của Công Ty để đưa ra lời khuyên nghị về thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch này;
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý, điều hành khác của Công Ty;
- Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của BKS theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ (nếu có);
- Tham gia đánh giá và đóng góp ý kiến, tham mưu cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đặc biệt là những vấn đề tiềm tàng có khả năng gây ảnh hưởng rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các báo cáo trên đều đã thể hiện tính trung thực, khách quan tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; tính đầy đủ, minh bạch, chi tiết của Báo cáo tài chính và tính chính xác, toàn diện của Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
KT. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Nguyễn Thế Ninh



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc (“TGD”) được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Tổng Giám đốc xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

1. Nhận định, Phân tích bối cảnh thị trường năm 2025

1.1. Tóm tắt kinh tế vĩ mô

- Thế giới:

Năm 2025, bức tranh kinh tế toàn cầu vẫn mang gam màu trầm dù có dấu hiệu ổn định hơn so với năm trước. Theo các cập nhật gần đây từ IMF (World Economic Outlook 2025), tăng trưởng toàn cầu ước đạt khoảng 3,1%, tiếp tục thấp hơn mức trung bình dài hạn và gần như đi ngang so với năm 2024.

Các nền kinh tế lớn như Mỹ và châu Âu duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt trong phần lớn thời gian năm, với lãi suất ở mức cao nhằm kiểm soát lạm phát. Điều này khiến nhu cầu tiêu dùng và đầu tư phục hồi chậm, kéo theo thương mại toàn cầu chưa bắt phá rõ rệt, đơn hàng xuất khẩu ở nhiều nền kinh tế vẫn yếu.

Giá năng lượng tiếp tục biến động do các rủi ro địa chính trị kéo dài, bao gồm xung đột Nga-Ukraine và tình hình bất ổn tại khu vực Biển Đỏ, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gia tăng chi phí vận tải. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản Trung Quốc vẫn chưa thoát khỏi khó khăn, với áp lực nợ của các doanh nghiệp địa ốc lớn tiếp tục đè nặng lên hệ thống tài chính, làm dấy lên lo ngại về rủi ro lan rộng.

Tổng thể, kinh tế thế giới năm 2025 được đánh giá là tăng trưởng chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro, dù áp lực lạm phát đã dần hạ nhiệt và điều kiện tài chính có dấu hiệu bớt căng thẳng hơn so với giai đoạn trước.

- Trong nước:

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhưng không còn “bứt tốc” mạnh như năm 2024. GDP ước tăng khoảng 6,0–6,3%, tiệm cận mục tiêu đề ra, với

quy mô nền kinh tế vượt mốc 500 tỷ USD, cho thấy nền tảng tăng trưởng vẫn được giữ vững trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định.

Hoạt động xuất khẩu phục hồi nhưng ở mức thận trọng hơn, tăng khoảng 8–10%, với kim ngạch xuất khẩu ước đạt trên 400 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch thương mại tiến gần mốc 820–830 tỷ USD. Động lực đến từ sự cải thiện nhu cầu tại các thị trường lớn, dù chưa thực sự mạnh mẽ.

Lạm phát tiếp tục được kiểm soát hiệu quả, với CPI bình quân tăng khoảng 3,5–4%, vẫn nằm trong mục tiêu điều hành. Trong khi đó, chính sách tiền tệ chuyển dần sang trạng thái hỗ trợ tăng trưởng, với tín dụng tăng khoảng 13–14%, đưa tổng dư nợ toàn hệ thống lên khoảng 17 triệu tỷ đồng, góp phần thúc đẩy sản xuất – kinh doanh.

Đầu tư công tiếp tục là điểm sáng, đặc biệt trong các dự án hạ tầng quy mô lớn, tạo hiệu ứng lan tỏa tới nhiều ngành kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với những thách thức như cầu thế giới phục hồi chậm, áp lực tỷ giá và rủi ro từ thị trường bất động sản trong nước.

Tổng thể, năm 2025 đánh dấu giai đoạn tăng trưởng ổn định, củng cố nền tảng, tạo đà cho những bước phát triển bền vững hơn trong các năm tiếp theo.

1.2. Thị trường Chứng khoán

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp nối hành trình nhiều sắc thái, nhưng xu hướng chung là ổn định hơn và dần tích cực trở lại sau những biến động của năm trước.

Ngay từ đầu năm, thị trường duy trì đà hồi phục nhờ mặt bằng lãi suất thấp hơn và dòng tiền trong nước tiếp tục đóng vai trò chủ đạo. Kỳ vọng về nâng hạng thị trường vẫn là động lực quan trọng, đặc biệt khi các yếu tố về hạ tầng và minh bạch dần được cải thiện.

Tuy nhiên, trong nửa đầu năm, thị trường vẫn xuất hiện những nhịp rung lắc khi áp lực tỷ giá quay trở lại trong bối cảnh đồng USD duy trì sức mạnh, buộc Ngân hàng Nhà nước có những điều chỉnh linh hoạt về chính sách tiền tệ. Dòng tiền vì thế có phần thận trọng hơn, thanh khoản biến động theo từng giai đoạn.

Bước sang nửa cuối năm, thị trường khởi sắc rõ nét hơn khi hệ thống giao dịch KRX chính thức vận hành, giúp cải thiện đáng kể thanh khoản và kỳ vọng về khả năng nâng hạng lên thị trường mới nổi. Tâm lý nhà đầu tư được củng cố nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, kết quả kinh doanh doanh nghiệp dần phục hồi, đặc biệt ở các nhóm ngành ngân hàng, xuất khẩu và đầu tư công.

Khối ngoại trong năm 2025 tiếp tục xu hướng bán ròng nhưng quy mô giảm đáng kể so với mức kỷ lục của năm 2024, khi áp lực rút vốn khỏi các thị trường mới nổi hạ nhiệt dần. Dòng vốn này có xu hướng chọn lọc hơn, tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và hưởng lợi từ chu kỳ phục hồi kinh tế.

Tổng thể, năm 2025 được xem là giai đoạn tái cân bằng và tích lũy, khi thị trường dần củng cố niềm tin, cải thiện chất lượng dòng tiền và tạo nền tảng cho một chu kỳ tăng trưởng bền vững hơn trong những năm tiếp theo.

1.3. Các số liệu Thị trường Chứng khoán trong năm 2025

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục ghi nhận năm bùng nổ ấn tượng, vượt qua nhiều thách thức từ kinh tế vĩ mô trong nước và tác động từ TTCK quốc tế nhưng vẫn thể hiện sức bật mạnh mẽ:

- Chỉ số VN-Index kết thúc năm ở mức 1.784,49 điểm, tăng gần 40,9% so với cuối 2024 và đạt đỉnh cao lịch sử trong năm, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ và niềm tin của dòng vốn đầu tư.
- HNX-Index cũng tăng trưởng tích cực, đóng cửa khoảng 248,8–250,5 điểm cuối năm 2025, ghi nhận tăng trưởng hơn 9–10% so với 2024.
- Thanh khoản thị trường bùng nổ với giá trị giao dịch bình quân năm gần 29,5 nghìn tỷ đồng/phiên, mức cao nhất từ trước tới nay, tăng mạnh so với năm 2024.
- Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu vượt 9,6 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 84,1% GDP, cho thấy quy mô thị trường mở rộng mạnh.
- Số lượng tài khoản nhà đầu tư tiếp tục tăng mạnh, vượt 11 triệu tài khoản, tăng khoảng 25% so với cuối năm 2024, cho thấy sự hấp dẫn và lan tỏa của chứng khoán trong dân cư.
- Khối ngoại tiếp tục là điểm nhấn đáng chú ý khi ghi nhận giá trị bán ròng kỷ lục khoảng 5,2 tỷ USD trong năm, nhưng ảnh hưởng này không làm chệch hướng tăng trưởng chung của thị trường trong nước.

Năm 2025 cũng được đánh dấu bởi một số sự kiện trọng yếu, như việc hệ thống giao dịch kỹ thuật mới KRX vận hành ổn định và kỳ vọng nâng hạng thị trường lên nhóm “emerging” (thị trường mới nổi), góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Bối cảnh này đặt ra yêu cầu đối với các công ty chứng khoán trong việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro, đồng thời chủ động nắm bắt cơ hội từ chu kỳ phục hồi của thị trường vốn.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025

2.1. Kết quả hoạt động Kinh doanh của Công ty năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Tổng tài sản	666.259.362.238	589.266.098.445
2	Vốn chủ sở hữu	548.116.738.591	540.076.501.434
3	Vốn điều lệ	527.574.600.000	527.574.600.000
4	Quy mô mạng lưới	01 Hội sở và 03 Chi nhánh	01 Hội sở và 03 Chi nhánh
5	Doanh thu hoạt động	55.140.766.443	46.903.566.049
6	Tổng chi phí	28.478.035.274	18.595.976.325
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.052.017.850	9.840.929.759
8	Lợi nhuận sau thuế	8.040.237.157	7.866.776.860

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty

Kết quả doanh thu năm 2025 đạt 55.140.766.443 đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 8.040.237.157 đồng trong đó cấu phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận đến từ các mảng kinh doanh và dịch vụ như sau:

2.2 Kết quả hoạt động nghiệp vụ chính năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	So sánh 2025 với 2024
1	Nghiệp vụ Môi giới chứng khoán	10.310.703.580	7.647.733.711	134,82%
2	Nghiệp vụ Tư vấn Đầu tư chứng khoán	-	-	-
3	Nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán	248.924.730	373.917.547	66,57%
4	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.558.618.181	1.197.181.818	130,19%
5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	-	770.000.000	-
6	Thu nhập từ hoạt động khác	43.022.519.952	36.914.732.973	116,55%

2.3 Nhận xét kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường chứng khoán tiếp tục duy trì đà hồi phục và thu hút dòng tiền đầu tư, Công ty APSC đã tận dụng tốt các cơ hội thị trường, chủ động triển khai các chiến lược kinh doanh phù hợp, qua đó ghi nhận kết quả hoạt động tích cực.

Cụ thể, doanh thu hoạt động năm 2025 đạt 55.140.766.443 đồng, tăng trưởng đáng kể so với năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 8.040.237.157 đồng, cho thấy hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí và tối ưu hoạt động. Tổng tài sản đạt 666.259.362.238 đồng, tăng trưởng so với năm trước, phản ánh quy mô hoạt động tiếp tục được mở rộng và năng lực tài chính được củng cố.

Xét theo từng mảng nghiệp vụ, nghiệp vụ Môi giới chứng khoán tiếp tục là nguồn thu chủ lực với doanh thu đạt 10.310.703.580 đồng, tăng mạnh 34,82% so với năm 2024. Hoạt động tư vấn tài chính cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, đạt 1.558.618.181 đồng, tăng 30,19%. Trong khi đó, nghiệp vụ lưu ký chứng khoán đạt 248.924.730 đồng, giảm so với năm trước, phản ánh sự dịch chuyển trong cơ cấu nguồn thu. Thu nhập từ các hoạt động khác tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn, đạt 43.022.519.952 đồng, tăng 16,55%, cho thấy sự đa dạng hóa nguồn doanh thu của Công ty.

Trong năm 2025, APSC tiếp tục kiên định với định hướng phát triển mô hình kinh doanh lấy khách hàng làm trung tâm, tập trung vào ba mũi nhọn chính gồm Môi giới, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Dịch vụ Tài chính. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh mở rộng tệp khách hàng, tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng, qua đó duy trì đà tăng trưởng và nâng cao vị thế trên thị trường.

Cơ cấu doanh thu cho thấy Công ty vẫn phụ thuộc đáng kể vào các nguồn thu chưa bền vững, trong khi các mảng cốt lõi như môi giới và IB đang trong quá trình cải thiện nhưng chưa thực sự đóng vai trò dẫn dắt.

3. Đánh giá các hoạt động chính năm 2025

3.1. Hoạt động IB

- Về định hướng chiến lược:

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì định hướng chiến lược tập trung vào hoạt động Investment Banking (IB), với trọng tâm là các mảng tư vấn chiến lược và dịch vụ giá trị cao, bao gồm:

+ Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp – giúp các khách hàng tối ưu hóa cơ cấu vốn và hoạt động vận hành;

+ Tư vấn niêm yết cổ phiếu – hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, định giá và tiếp cận thị trường;

+ Tư vấn chuyển nhượng và sáp nhập (M&A) – thúc đẩy các thương vụ quy mô lớn, gia tăng lợi thế cạnh tranh;

+ Tổ chức đấu giá quyền mua cổ phiếu – mang lại cơ hội huy động vốn hiệu quả cho các khách hàng.

Các dịch vụ IB tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Công ty. Năm 2025 cũng ghi nhận số lượng hợp đồng IB ký kết ổn định, Công ty tìm được hướng đi từ các doanh nghiệp nhà nước thoái vốn và những khách hàng chiến lược, minh chứng cho khả năng mở rộng thị trường và năng lực triển khai dịch vụ trên toàn quốc.

- Tổ chức hoạt động IB:

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư (IB) của Công ty được tổ chức và vận hành theo hướng chuyên nghiệp, với Khối IB được phân tách thành hai bộ phận chức năng chính gồm: (i) Bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp và (ii) Bộ phận Kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp. Mô hình này góp phần tăng cường tính chuyên môn hóa, đồng thời tối ưu hiệu quả trong việc triển khai các sản phẩm dịch vụ IB, từ khâu phát triển khách hàng, cấu trúc giao dịch đến thực thi và phân phối.

- Về khó khăn tồn tại:

Về nguồn nhân lực, hoạt động IB hiện vẫn phụ thuộc đáng kể vào đội ngũ nhân sự chủ chốt có kinh nghiệm lâu năm và năng lực chuyên môn sâu. Trong khi đó, lực lượng nhân sự kế cận dù có tiềm năng nhưng vẫn đang trong quá trình tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, chưa thể đảm nhận vai trò dẫn dắt hoặc chủ động triển khai các giao dịch có độ phức tạp cao.

Điều này đặt ra thách thức về tính bền vững trong mô hình tăng trưởng, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động IB mang tính chất “deal-driven”, phụ thuộc lớn vào khả năng xây dựng pipeline và chuyển hóa cơ hội thành doanh thu. Đồng thời, rủi ro tập trung vào một số cá nhân chủ chốt có thể ảnh hưởng đến tính liên tục trong triển khai dự án cũng như khả năng mở rộng quy mô hoạt động trong trung và dài hạn.

3.2. Hoạt động Môi giới

- Về định hướng chiến lược:

Hoạt động môi giới và giao dịch của APSC trong giai đoạn tới định hướng theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, đồng thời tập trung nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng. Trọng tâm chiến lược không chỉ dừng lại ở mở rộng quy mô mà còn hướng tới tối ưu hiệu quả trên từng khách hàng (client-level profitability), thông qua việc nâng cao năng lực tư vấn, cá nhân hóa dịch vụ và gia tăng mức độ gắn kết với khách hàng. Song song, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển đội ngũ chuyên môn theo hướng chuyên sâu, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh thị trường ngày càng phân hóa.

- Tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán:

Trong năm 2025, hoạt động giao dịch chứng khoán của APSC được duy trì ổn định và tuân thủ chặt chẽ các quy trình kiểm soát nội bộ. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được quản lý an toàn, đảm bảo đúng quy định pháp luật và quy chế của Công ty. Đội ngũ nhân viên giao dịch duy trì tính kỷ luật cao, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, không phát sinh sai phạm trong quá trình vận hành.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc tăng cường đào tạo và khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình cấp chứng chỉ hành nghề. Số lượng nhân sự có chứng chỉ hành nghề gia tăng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, hoạt động phát triển khách hàng ghi nhận kết quả tích cực khi số lượng tài khoản mở mới tập trung vào các khách hàng có nhu cầu giao dịch thật, hiện thực hóa bằng phí giao dịch theo Phòng Ban và Chi nhánh.

- Về khó khăn tồn tại:

Mặc dù thị trường chứng khoán ghi nhận sự cải thiện về chỉ số, thanh khoản và giá trị giao dịch, tuy nhiên quy mô giao dịch và nguồn thu từ phí môi giới của Công ty vẫn còn ở mức khiêm tốn, phản ánh hiệu quả chuyển hóa thanh khoản thị trường thành doanh thu chưa thực sự tương xứng.

Danh mục sản phẩm, dịch vụ tuy đã có sự cải thiện nhưng vẫn tồn tại khoảng cách cạnh tranh so với các công ty chứng khoán lớn, đặc biệt ở các tiện ích tài chính và dịch vụ gia tăng. Một số sản phẩm, như dịch vụ thu chi hộ 24/7, chưa được triển khai đầy đủ, phần nào ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng và khả năng giữ chân dòng tiền.

Về hiệu quả hoạt động đội ngũ, một bộ phận chuyên viên dịch vụ chứng khoán chưa hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh được giao, cho thấy sự chênh lệch về năng lực khai thác khách hàng cũng như khả năng chuyển đổi giao dịch.

Đối với dịch vụ giao dịch ký quỹ, mặc dù Công ty đã từng bước chủ động được nguồn vốn, tuy nhiên mức lãi suất hiện tại vẫn cao hơn so với mặt bằng chung trên thị trường, làm

giảm sức cạnh tranh trong việc thu hút và giữ chân khách hàng có nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính. Trong dài hạn, đây có thể là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần môi giới và quy mô dư nợ margin của Công ty.

3.3. Công tác kiểm soát và quản trị rủi ro

Công ty chủ động theo dõi và phân tích sát sao diễn biến thị trường, qua đó xây dựng các kịch bản vận hành và phương án ứng phó rủi ro tương ứng với từng giai đoạn biến động. Hoạt động kiểm soát giao dịch được thực hiện chặt chẽ thông qua hệ thống kiểm tra, giám sát đa lớp, bao gồm rà soát lệnh đặt của khách hàng, kiểm soát quy trình thực hiện nghiệp vụ và đối chiếu, tra soát dữ liệu giao dịch trên hệ thống.

Cách tiếp cận này giúp Công ty không chỉ đảm bảo tuân thủ quy định mà còn nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo hướng chủ động, hạn chế sai sót vận hành và đảm bảo an toàn cho tài sản của khách hàng trong mọi điều kiện thị trường.

3.4. Công nghệ thông tin

Công ty liên tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, chủ động khắc phục các tồn tại trong hệ thống và từng bước triển khai các giải pháp số hóa nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ dừng lại ở cải thiện quy trình nội bộ mà còn hướng tới tối ưu trải nghiệm khách hàng, tăng tốc độ xử lý giao dịch và nâng cao tính ổn định của hệ thống trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Định hướng này góp phần tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho Công ty, đặc biệt trong việc thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường và nâng cao năng lực phục vụ trên quy mô lớn.

Phòng CNTT đã phối hợp cùng các Phòng Ban khác trong công ty lên kịch bản, test các khả năng theo yêu cầu của Sở giao dịch và đánh dấu bằng việc Alpha đủ điều kiện giao dịch theo hệ thống KRX.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Triển vọng thị trường năm 2026

1.1. Kinh tế thế giới

Trong năm 2026, triển vọng kinh tế toàn cầu được đánh giá duy trì xu hướng phục hồi nhưng thận trọng hơn so với các dự báo trước đó. Các tổ chức kinh tế quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Fitch Ratings và Liên Hợp Quốc nhìn chung vẫn giữ quan điểm tích cực về tăng trưởng toàn cầu, với mức dự báo dao động quanh 2,8% – 3,3%, nhờ kỳ vọng các ngân hàng trung ương lớn bước vào chu kỳ nới lỏng tiền tệ, hỗ trợ tiêu dùng và đầu tư.

Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế năm 2026 chịu tác động đáng kể từ các yếu tố địa chính trị, đặc biệt là căng thẳng leo thang giữa Mỹ và Iran. Các diễn biến quân sự và chính trị tại khu vực Trung Đông, bao gồm các cuộc không kích và gia tăng hiện diện quân sự, đã làm gia tăng rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng và ảnh hưởng đến tâm lý thị trường toàn cầu.

Bên cạnh đó, những bất ổn địa chính trị này cũng đã bắt đầu lan tỏa sang các lĩnh vực kinh tế khác như du lịch, vận tải và thương mại quốc tế, khi nhiều khu vực ghi nhận sự sụt giảm hoạt động do lo ngại về an ninh và gián đoạn lưu thông. Điều này cho thấy nền kinh tế toàn cầu dù đang phục hồi nhưng vẫn nhạy cảm với các cú sốc bên ngoài.

Nhìn chung, năm 2026 được kỳ vọng là giai đoạn kinh tế toàn cầu chuyển sang trạng thái ổn định hơn, song đà tăng trưởng sẽ phụ thuộc lớn vào khả năng kiểm soát rủi ro địa chính trị và hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn.

1.2. Kinh tế trong nước

Kết quả tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2024–2025 tiếp tục tạo nền tảng quan trọng để nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng cao hơn từ năm 2026. Trên cơ sở định hướng tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026–2030 được xác định ở mức cao, hướng tới duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số, qua đó hiện thực hóa tầm nhìn phát triển mới của nền kinh tế.

Trong năm 2026, tăng trưởng kinh tế được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tích cực, dựa trên một số động lực chính như sau:

- Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và thúc đẩy đầu tư công tiếp tục là động lực dẫn dắt tăng trưởng. Chính phủ duy trì định hướng cải cách mạnh mẽ khung pháp lý, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về đầu tư, quy hoạch và thị trường vốn. Song song, đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh với quy mô lớn, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm như cao tốc Bắc – Nam, sân bay Long Thành, hệ thống cảng biển và đường sắt đô thị. Điều này không chỉ tạo hiệu ứng lan tỏa đến các ngành kinh tế mà còn mở rộng dư địa tài khóa, thúc đẩy tổng cầu trong nước.
- Thứ hai, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo. Việc tiếp tục tháo gỡ vướng mắc cho các dự án năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo, góp phần nâng cao năng lực cung ứng điện, giảm áp lực thiếu hụt năng lượng và tạo nền tảng cho thu hút các dòng vốn FDI quy mô lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao.
- Thứ ba, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực tăng trưởng mới. Các định hướng từ Nghị quyết 57-NQ/TW tiếp tục được triển

khai, thúc đẩy phát triển các ngành công nghệ cao như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, qua đó từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế số và kinh tế xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng trong dài hạn.

- Thứ tư, phát triển các trung tâm tài chính và mô hình kinh tế mới. Việc từng bước hình thành và vận hành các trung tâm tài chính quốc tế và khu vực tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng được kỳ vọng sẽ mở ra kênh huy động vốn quy mô lớn, phục vụ cho các lĩnh vực chiến lược như chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, công nghệ cao và hạ tầng hiện đại. Đây cũng là yếu tố quan trọng giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tổng thể, năm 2026 được kỳ vọng là năm bản lề, đánh dấu sự chuyển dịch từ giai đoạn phục hồi sang tăng trưởng nhanh và bền vững hơn, với các động lực truyền thống được củng cố đồng thời các động lực mới dần phát huy hiệu quả.

1.3. Thị trường Chứng khoán

Các dự báo từ nhiều tổ chức phân tích và công ty chứng khoán cho thấy triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, dù có sự phân hóa về mức độ lạc quan.

Theo các báo cáo gần đây, VN-Index được kỳ vọng dao động trong vùng 1.650 – 1.750 điểm vào cuối năm 2026 trong kịch bản cơ sở, dựa trên mức tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp khoảng 16–17% và định giá P/E duy trì quanh 12,5x – 13,0x. Một số kịch bản tích cực hơn cho rằng chỉ số có thể tiến tới vùng 1.800 – 1.860 điểm trong nửa đầu năm, trước khi chịu áp lực điều chỉnh do yếu tố lãi suất và thanh khoản.

Ở góc nhìn lạc quan hơn, một số tổ chức dự báo VN-Index có thể hướng tới mốc 2.000 điểm trong trung hạn, nhờ kỳ vọng nâng hạng thị trường, tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và sự cải thiện định giá. Việc thị trường có khả năng được nâng hạng bởi FTSE trong năm 2026 cũng được xem là yếu tố quan trọng thúc đẩy dòng vốn ngoại và tạo dư địa mở rộng hệ số định giá.

Động lực tăng trưởng chính của thị trường đến từ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao, cùng với sự cải thiện trong lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết. Bên cạnh đó, các yếu tố như đẩy mạnh đầu tư công, thu hút FDI và xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng tiếp tục hỗ trợ dòng tiền vào thị trường.

Tuy nhiên, các báo cáo cũng nhấn mạnh một số rủi ro cần lưu ý. Áp lực lãi suất có thể gia tăng trở lại trong bối cảnh nhu cầu vốn lớn của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng đến thanh khoản thị trường và dòng tiền đầu tư. Ngoài ra, cấu trúc thị trường còn phụ thuộc vào một số cổ phiếu vốn hóa lớn, khiến đà tăng chưa thực sự lan tỏa rộng. Dòng vốn ngoại cũng ghi nhận

xu hướng thận trọng do các yếu tố như giới hạn sở hữu và thanh khoản thị trường chưa thực sự cải thiện.

Nhìn chung, năm 2026 được kỳ vọng là giai đoạn thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng trưởng nhưng theo hướng chọn lọc và bền vững hơn, trong đó động lực chính đến từ tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp thay vì mở rộng định giá. Đồng thời, khả năng cải thiện về chất lượng thị trường, bao gồm thanh khoản, minh bạch và khung pháp lý, sẽ đóng vai trò quyết định trong việc thu hút dòng vốn và duy trì xu hướng tăng trong trung và dài hạn.

2. Mục tiêu chính của Công ty

Trong ngắn hạn, APSC tập trung củng cố nền tảng hoạt động và tối ưu hiệu quả kinh doanh trên các mảng cốt lõi. Hoạt động IB được đẩy mạnh thông qua việc xây dựng pipeline khách hàng, ưu tiên các giao dịch có khả năng triển khai nhanh và tạo dòng tiền ổn định. Đồng thời, Công ty tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động môi giới, gia tăng số lượng tài khoản và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi giao dịch, đi kèm với việc tối ưu chính sách phí và dịch vụ nhằm giữ chân khách hàng hiện hữu.

Song song, APSC đẩy nhanh quá trình nâng cấp hệ thống công nghệ, cải thiện trải nghiệm giao dịch và tăng cường kiểm soát vận hành, qua đó tạo nền tảng cho việc mở rộng quy mô trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong trung và dài hạn, APSC định vị Ngân hàng Đầu tư (IB) là trụ cột chiến lược, đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng một công ty chứng khoán có dịch vụ tài chính toàn diện. Trên cơ sở đó, Công ty tập trung phát triển năng lực tư vấn tài chính doanh nghiệp, mở rộng sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao như tư vấn cấu trúc giao dịch và sáp nhập – mua lại (M&A).

Hoạt động M&A và các dịch vụ liên quan được định hướng phát triển như một phần mở rộng của chuỗi giá trị IB, nhằm gia tăng chiều sâu dịch vụ và nâng cao khả năng khai thác khách hàng doanh nghiệp, hướng tới cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói.

Bên cạnh đó, Công ty phát triển hoạt động môi giới dựa trên nền tảng công nghệ cao, đẩy mạnh ứng dụng số hóa, dữ liệu và tự động hóa nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hiệu quả vận hành và tăng cường năng lực cạnh tranh.

Tổng thể, chiến lược của APSC hướng tới mô hình tăng trưởng dựa trên sự kết hợp giữa IB làm lõi – M&A làm đòn bẩy – công nghệ làm nền tảng, đảm bảo vừa tăng trưởng ngắn hạn vừa phát triển bền vững trong dài hạn.

3. Kế hoạch hành động 2026

Trong bối cảnh năm 2026, kinh tế toàn cầu được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng ổn định nhờ xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro từ yếu tố địa chính trị và biến động dòng vốn quốc tế. Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục được hỗ trợ bởi chính sách tài khóa mở rộng, đẩy mạnh đầu tư công, phát triển hạ tầng và định hướng chuyển dịch sang kinh tế số, kinh tế xanh.

Trên cơ sở đó, APSC định hướng hoạt động năm 2026 theo hướng tăng trưởng có chọn lọc, nâng cao chất lượng doanh thu và tối ưu hiệu quả vận hành, cụ thể như sau:

3.1. Hoạt động IB

APSC tiếp tục xác định IB là trụ cột chiến lược, tập trung nâng cao chất lượng pipeline giao dịch và ưu tiên các thương vụ có quy mô, biên lợi nhuận và khả năng triển khai cao. Trọng tâm là các lĩnh vực hưởng lợi từ xu hướng vĩ mô như đầu tư công, năng lượng, công nghệ và các doanh nghiệp có nhu cầu tái cấu trúc tài chính.

Hoạt động M&A và thị trường vốn (ECM/DCM) được đẩy mạnh nhằm tận dụng cơ hội từ quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và nhu cầu huy động vốn trong giai đoạn tăng trưởng mới. Đồng thời, APSC từng bước nâng cao năng lực tư vấn, hướng tới cung cấp giải pháp tài chính trọn gói, gia tăng giá trị trên mỗi khách hàng.

Đào tạo đội ngũ cán bộ IB, chắc kiến thức, giỏi kinh nghiệm, có năng lực triển khai, khả năng đàm phán và phát triển khách hàng, tìm kiếm các hợp đồng mới, đóng góp chủ yếu vào tỷ trọng cấu phần doanh thu của Công ty.

IB được định vị không chỉ là nguồn thu phí trực tiếp mà còn đóng vai trò tạo nguồn khách hàng đầu vào cho các hoạt động đầu tư và dịch vụ tài chính khác của Công ty.

Các khách hàng của IB, đồng thời sẽ trở thành đối tác, tạo phí cho Khối DVCK qua các nghiệp vụ như: quản lý sở cổ đông, lưu ký chứng khoán....

3.2. Hoạt động Môi giới

Hoạt động môi giới được định hướng phát triển theo chiều sâu, tập trung gia tăng giá trị giao dịch trên mỗi khách hàng thay vì chỉ mở rộng số lượng. Trọng tâm không chỉ là gia tăng số lượng tài khoản mà còn nâng cao giá trị giao dịch và doanh thu trên mỗi khách hàng. Công ty đẩy mạnh phát triển khách hàng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý và chăm sóc khách hàng, đồng thời tối ưu chính sách phí và sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Trong bối cảnh thị trường có sự phân hóa, đội ngũ môi giới được định hướng nâng cao năng lực tư vấn, chuyển từ mô hình giao dịch thuần túy sang cung cấp giải pháp đầu tư, qua đó gia tăng mức độ gắn kết và giữ chân khách hàng.

3.3. Công tác kiểm soát và quản trị rủi ro

APSC tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo hướng chủ động và tích hợp, phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp ngày càng gia tăng của các sản phẩm dịch vụ. Trọng tâm là xây dựng các công cụ cảnh báo sớm, tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động giao dịch, đặc biệt là giao dịch ký quỹ và các nghiệp vụ có sử dụng đòn bẩy tài chính.

Đồng thời, Công ty tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống quy trình, quy định nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ pháp lý và nâng cao hiệu quả kiểm soát vận hành đặc biệt trong bối cảnh thị trường biến động và gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính.

3.4. Công nghệ thông tin

Công nghệ tiếp tục là nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển của APSC. Trong năm 2026, Công ty tập trung nâng cấp hạ tầng hệ thống theo hướng tăng khả năng xử lý dữ liệu, đảm bảo tính ổn định và an toàn thông tin.

Bên cạnh đó, APSC đẩy mạnh ứng dụng số hóa và tự động hóa trong các quy trình nghiệp vụ, đặc biệt trong quản lý rủi ro, vận hành giao dịch và chăm sóc khách hàng, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng mở rộng quy mô.

Tổng thể, năm 2026 được định vị là giai đoạn APSC chuyển từ mở rộng quy mô sang nâng cao chất lượng tăng trưởng, với IB đóng vai trò dẫn dắt, môi giới là kênh phân phối và công nghệ là nền tảng hỗ trợ, nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong dài hạn.

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HDQT;



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHỨNG KHOÁN
ALPHA
Nguyễn Anh Trung

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của CTCP Chứng khoán Alpha đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị (“HDQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“ĐHĐCĐ”) thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và đã được công bố thông tin theo quy định, bao gồm các mục:

- 1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- 2) Báo cáo kiểm toán độc lập.
- 3) Báo cáo tình hình tài chính.
- 4) Báo cáo kết quả hoạt động.
- 5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- 6) Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu.
- 7) Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy

Số: 02/2026/TTr-DHĐCD

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ CTCP Chứng khoán Alpha;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 CTCP Chứng khoán Alpha.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	10.052.017.850	
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.011.780.693	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	8.040.237.157	
4	LNST chưa phân phối lũy kế	17.953.395.404	
5	Trích lập các quỹ	0	
6	Chia cổ tức năm 2025	0	
7	Lợi nhuận còn lại cuối năm	17.953.395.404	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy

Số: 03 /2026/TTr-DHĐCD

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ CTCP Chứng khoán Alpha;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty;
- Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và dự báo về tình hình thị trường Chứng khoán trong năm 2026,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (Kiểm toán)	Năm 2026 (Kế hoạch)	Tỷ lệ tăng (giảm) so với 2025 (%)
1	Tổng Doanh thu	55.140.766.443	110.281.000.000	100%
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	28.478.035.274	69.700.000.000	145%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.460.918.074	28.800.000.000	114%
4	Lợi nhuận trước thuế	10.052.017.850	13.078.000.000	30%
5	Vốn điều lệ	527.574.600.000	827.574.600.000	57%
6	Cổ tức	-	-	-

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy

Số: 04/2026/TTr-ĐHĐCD

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Tình hình chi trả thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT, thành viên BKS
và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ CTCP Chứng khoán Alpha,

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) tình hình chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2026 như sau:

1. Tình hình chi trả thù lao năm 2025:

Trong năm 2025, căn cứ Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2025, Công ty đã chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT và thành viên BKS chi tiết như sau:

- Tổng số tiền đã chi trả thù lao: 112.493.478 đồng, trong đó:
- Thù lao đã chi trả cho Thành viên HĐQT: 83.623.913 đồng;
 - Thù lao đã chi trả cho Thành viên BKS: 28.869.565 đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2026:

Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh, HĐQT đề xuất kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2026 như sau:

- Thành viên HĐQT, mức thù lao (chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân) như sau:
 - + Chủ tịch HĐQT: Năm triệu đồng/người/tháng
 - + Thành viên HĐQT: Ba triệu đồng/người/tháng.
- Thành viên BKS, mức thù lao (chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân) như sau:
 - + Trưởng BKS: Hai triệu đồng/người/tháng
 - + Thành viên BKS: Một triệu đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN

CHỨNG KHOÁN

ALPHA

GIANG VO

Vũ Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa
niên độ năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha;
- Căn cứ Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua,

Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHDCD”) phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí và danh sách lựa chọn công ty kiểm toán:

HDQT đề xuất với ĐHDCD tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt nam;
- Nằm trong danh sách được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Có uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực kiểm toán tại Việt Nam;
- Có kinh nghiệm trong việc triển khai kiểm toán cho các công ty đại chúng và các công ty chứng khoán tại Việt Nam, phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu về phạm vi kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của Công ty;
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất của Hội đồng Quản trị:

Với tiêu chí đề xuất nêu trên, HDQT kính trình ĐHDCD thông qua:

- Các tiêu chí nêu tại mục 1 Tờ trình này để làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.
- Ủy quyền cho HDQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện



kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy



Số: 06 /2026/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp số 59”); Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán số 54”); Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“Nghị định 155”); Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 245”);
- Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Alpha (hiện hành);
- Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế của Công ty CP Chứng khoán Alpha,

Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- | | |
|---|--|
| - Tổ chức phát hành | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha |
| - Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha |
| - Mã cổ phiếu/Tên viết tắt | : APSC |
| - Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| - Mệnh giá cổ phiếu | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| - Vốn điều lệ trước khi phát hành | : 527.574.600.000 đồng |
| - Số lượng cổ phiếu đã phát hành | : 52.757.460 cổ phiếu |
| - Phương thức phát hành: | : Chào bán riêng lẻ |
| - Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán | : 30.000.000 cổ phiếu |
| - Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá | : 300.000.000.000 đồng (ba trăm tỷ đồng) |
| - Giá phát hành | : 10.000 đồng/cổ phiếu <i>al</i> |

- Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành : 82.757.460 cổ phiếu sau khi hoàn tất chào bán
- Quy mô vốn điều lệ dự kiến sau khi : 827.574.600.000 đồng hoàn tất chào bán
- Thời gian dự kiến chào bán : Dự kiến trong năm 2026.
Thời gian phát hành cụ thể, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo/chấp thuận bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu/hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

II. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty chào bán, phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ nhằm mục đích: Đáp ứng các điều kiện về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu đề nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phải sinh đối với công ty chứng khoán.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ CHI TIẾT

- Số lượng cổ phiếu dự : Tối đa 30.000.000 cổ phiếu
kiến chào bán : ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định số lượng cổ phiếu chào bán cụ thể tại thời điểm chào bán nhưng không được vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán nêu trên.
- Tổng giá trị cổ phiếu : Tối đa 300.000.000.000 đồng tùy vào số lượng cổ phiếu thực tế chào bán được.
- Phương thức phát hành : Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phần (bằng với mệnh giá cổ phiếu)
- Số tiền dự kiến thu được : 300.000.000.000 đồng
(tính theo mệnh giá)
- Đối tượng được chào : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy bán định của pháp luật.
ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT tìm kiếm, lựa chọn đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư.
- Số lượng nhà đầu tư : Dưới 100 nhà đầu tư
được chào bán
- Tiêu chí lựa chọn nhà : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:
+ Là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ Công ty trong hoạt động quản trị và tài chính để phát triển Công ty và đảm bảo lợi ích cho các Cổ đông. Đáp

ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 11 Luật chứng khoán 2019 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH1 ngày 29/11/2024.

+ Không thuộc trường hợp không được mua cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

+ Các tiêu chí khác (nếu có) mà HĐQT thấy cần thiết và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và quyết định danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư nêu trên.
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư : Tùy theo tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư
- Hạn chế chuyển nhượng : Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
Thời gian hạn chế chuyển nhượng cụ thể ủy quyền HĐQT quyết định.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết : Trường hợp số cổ phiếu chào bán không được các nhà đầu tư mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán đã được HĐQT thông qua.
Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán, phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có).
- Chào mua công khai : Đồng ý cho nhà đầu tư được mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1, Điều 35 Luật Chứng khoán.
- Thời gian dự kiến chào bán, phát hành : Dự kiến trong năm 2026. 

Thời gian chào bán cụ thể, ĐHĐCD giao cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo/chấp thuận bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu/hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ tính theo mệnh giá là 300.000.000.000 đồng (ba trăm tỷ đồng).
2. Kế hoạch sử dụng vốn:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán dự kiến được sử dụng cho mục đích sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ phân bổ (%)	Thời gian dự kiến giải ngân
	Tăng vốn điều lệ nhằm mục đích Đáp ứng các điều kiện về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu để nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phải sinh đối với công ty chứng khoán.	300.000.000.000	100	Năm 2026
Tổng cộng		300.000.000.000	100	

ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết (nếu có) theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCD thông qua; điều chỉnh mục đích sử dụng vốn (nếu có); quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCD thông qua và/hoặc điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi phương án sử dụng vốn chi tiết đảm bảo phù hợp với tiến độ tăng vốn điều lệ, tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty tại thời điểm chào bán trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông. HĐQT sẽ báo cáo việc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có) tại kỳ họp ĐHĐCD gần nhất.

Trong trường hợp tổng giá trị số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng), ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định phương án huy động vốn từ các nguồn khác để đảm bảo thực hiện các mục đích theo chủ trương đề ra.

V. ỦY QUYỀN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐHĐCD giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Triển khai thực hiện việc chào bán, thông qua hồ sơ chào bán và phân phối cổ phiếu theo phương án phát hành;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành đó khi cần thiết theo tình hình thực tế của

Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành riêng lẻ cụ thể tại thời điểm chào bán nhưng không được vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành nêu tại phương án này;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chào bán cổ phiếu sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước thông báo/chấp thuận bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Lựa chọn, thực hiện xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và thông qua danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ trong đợt chào bán cổ phiếu này. Tìm kiếm nhà đầu tư thay thế đáp ứng tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua trong trường hợp nhà đầu tư trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ không đăng ký mua hoặc không thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu;
- Quyết định thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của từng nhà đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết;
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để điều chỉnh Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế chào bán sau khi hoàn thành đợt phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VPHĐQT, HC.



Vũ Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp số 59”); Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán số 54”); Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“Nghị định 155”); Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 245”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Alpha (hiện hành);
- Căn cứ định hướng Công ty trở thành công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM;
- Căn cứ nhu cầu công việc và tình hình thực tế của Công ty,

Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty hiện hành (Chi tiết sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục đính kèm).

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện công việc cần thiết liên quan đến thủ tục ký và Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi sau khi được ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
(Đính kèm Tờ trình số 07/2026/TTr-DHĐCD ngày 24/04/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

1. Căn cứ pháp lý và giải thích

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp số 59”); Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (Luật số 03); Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 (Luật số 76);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán số 54”); Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (Luật số 56);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“Nghị định 155”); Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 245”);
- Căn cứ định hướng Công ty trở thành công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM,
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Alpha (hiện hành);

Giải thích:

- Nội dung được đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc xóa bỏ trong cột “**Nội dung hiện hành**” là các nội dung được gạch chân;
- Nội dung **được gạch chân, in đậm** trong cột “**Đề xuất sửa đổi, bổ sung**” là nội dung đã sửa đổi, bổ sung tương ứng;
- Nội dung Chưa có trong cột “**Nội dung hiện hành**” được bổ sung hoàn chỉnh bằng nội dung tương ứng bên cột “**Đề xuất sửa đổi, bổ sung**”.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung *ail*

STT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
1	Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e Khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Chưa có.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ e1) <i>Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)</i> là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	Điểm d khoản 1 Điều 1 của Luật số 76/2025/QH15
2	Sửa đổi tiết (ii) điểm b khoản 2 Điều 2. Tên, hình thức pháp lý...	(ii) ... <u>đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30/12/2022.</u>	(ii) ... <u>đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2025.</u>	Cập nhật thông tin GCN ĐKDN mới nhất
3	Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 2. Tên, hình thức pháp lý...	a. Địa chỉ trụ sở chính: <u>Tầng 1, 1A, 2 Số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.</u>	a. Địa chỉ trụ sở chính: <u>Tầng 5, 14 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội.</u>	Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK
4	Bổ sung điểm i1 sau điểm i khoản 2 Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có.	i1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng;	- Nội dung này có trên Quy chế nội bộ về quản trị công

STT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
				ty, chưa có trên Điều lệ;
5	Bổ sung điểm n1 vào sau điểm n khoản 2 Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có.	n1. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	Điểm b khoản 81 Điều 1 Nghị định 245
6	Bổ sung điểm p1 vào sau điểm p khoản 2 Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có.	p1. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty (nếu có) và người quản lý khác của Công ty.	Điểm a khoản 81 Điều 1 Nghị định 245
7	Bổ sung khoản c sau khoản b Điều 30. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Chưa có.	c. Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau: - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245
8	Bổ sung điểm d sau điểm	Chưa có.	d. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội	Khoản 78 Điều

STT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	c khoản 4 Điều 31. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và...		đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	1 Nghị định 245
9	Sửa đổi, bổ sung Câu cuối khoản 11 Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp	11. ... <u>Chủ tọa và người ghi biên bản</u> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	11. ... <u>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản</u> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59
10	Bổ sung khoản 11a sau khoản 11 Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp	Chưa có.	11a. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công	Khoản 6 Điều 7 Luật số 03

STT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
			ty và pháp luật có liên quan.	
11	Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chưa có.	3a. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245
12	Sửa đổi khoản 1 Điều 60. Ngày hiệu lực	1. ... nhất trí thông qua <u>ngày 18 tháng 4 năm 2025.</u>	1. ... nhất trí thông qua <u>ngày 24 tháng 4 năm 2026.</u>	Cập nhật ngày hiệu lực
13	Sửa đổi khoản 5 Điều 60. Ngày hiệu lực	5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ <u>ngày 18 tháng 4 năm 2025.</u> Bản Điều lệ được ban hành <u>ngày 27/4/2023</u> hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này chính thức có hiệu lực.	5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ <u>ngày 24 tháng 4 năm 2026.</u> Bản Điều lệ được ban hành <u>ngày 18/4/2025</u> hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này chính thức có hiệu lực.	Cập nhật hiệu lực của các phiên bản.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

*(được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2026)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2026

DANH SÁCH PHÂN PHỐI

STT	PHÒNG BAN	
1	Khối Dịch vụ Chứng khoán	☒
2	Khối Dịch vụ NHDT và Định chế	☒
3	Phòng Đầu tư	☒
4	Phòng Công nghệ Thông tin	☒
5	Phòng Tài chính – Nguồn vốn	☒
6	Phòng Kế toán	☒
7	Phòng Hành chính – Nhân sự	☒
8	Phòng Kiểm soát và Tuân thủ	☒
9	Chi nhánh	☒

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, giấy phép hoạt động, trụ sở, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động và dấu của Công ty	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	3
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	3
Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....	4
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	4
Điều 7. Quyền của Công ty	4
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	4
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế	6
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG.....	7
Mục 1: Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 10. Vốn điều lệ	7
Điều 11. Các loại cổ phần	8
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông	8
Điều 13. Cổ phiếu	8
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 15. Mua lại cổ phần	8
Điều 16. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ	9
Mục 2: Cổ đông.....	9
Điều 17. Quyền của Cổ đông	9
Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông	11
Điều 19. Người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông	11
CHƯƠNG III: QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	12
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.....	12
Mục 1: Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 22. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 25. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20

Điều 28.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Mục 2:	Hội đồng quản trị	21
Điều 29.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 30.	Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 31.	Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 32.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 33.	Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp	27
Điều 34.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 35	Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị	29
Mục 3:	Ban Kiểm soát	30
Điều 36.	Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát	30
Điều 37.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	31
Điều 38.	Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	33
Điều 39.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	33
Điều 40.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	34
Mục 4:	Ban Tổng Giám đốc	34
Điều 41.	Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc	34
Điều 42.	Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Tổng Giám đốc	35
Điều 43.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	36
Điều 44.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	36
CHƯƠNG IV:	XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN VÀ	37
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH		37
Điều 45.	Các tranh chấp có thể xảy ra	37
Điều 46.	Cách xử lý, giải quyết tranh chấp	37
Điều 47.	Ngăn ngừa xung đột lợi ích	38
Điều 48.	Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận	38
Điều 49.	Chế độ báo cáo và công bố thông tin	39
CHƯƠNG V:	QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN	41
Điều 50.	Năm tài chính	41
Điều 51.	Hệ thống kế toán	41
Điều 52.	Kiểm toán	41
Điều 53.	Nguyên tắc phân phối lợi nhuận	42
Điều 54.	Xử lý lỗ trong kinh doanh	42
Điều 55.	Trích lập các quỹ theo quy định	42

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	42
Điều 56. Tổ chức lại công ty	42
Điều 57. Giải thể	44
Điều 58. Phá sản.....	44
CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	45
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	45
CHƯƠNG VIII: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	45
Điều 60. Ngày hiệu lực	45

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (tên đầy đủ bằng tiếng Việt của Công ty);
 - b. “Cổ đông” là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - c. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các Cổ đông đã thanh toán đủ và được quy định tại Điều 10 của Điều lệ;
 - d. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e1. “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
 - f. “Người quản lý công ty” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch, Trưởng văn phòng đại diện;
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - h. “Người đại diện theo pháp luật” có nghĩa như được quy định tại Điều 3.1 của Điều lệ này;
 - i. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - j. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều, Khoản, Điểm của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, giấy phép hoạt động, trụ sở, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động và dấu của Công ty

1. Tên Công ty

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
 - b. Tên tiếng Anh: ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
 - c. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
 - d. Tên viết tắt: APSC
2. Hình thức pháp lý và giấy phép hoạt động của Công ty
 - a. Hình thức pháp lý

Là công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp.
 - b. Giấy phép hoạt động
 - (i). Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006.
 - (ii). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116349 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2025.
3. Trụ sở Công ty
 - a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, 14 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội
 - b. Điện thoại: +84 24 3933 4666
 - c. Fax: +84 24 3933 4668
 - d. Email: info@apsc.vn
 - e. Địa chỉ trang web: <https://apsc.vn>
4. Mạng lưới hoạt động
 - a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật và Điều lệ cho phép;
 - b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
 - c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận;
 - d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động hoặc giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
6. Dấu của Công ty

- a. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- b. Tổng Giám đốc quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch của Công ty.
- c. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy chế do Tổng Giám đốc ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.
3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - c. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - d. Tự doanh chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán; mang lại cổ tức cao cho các Cổ đông; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Người có liên quan;

- c. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- d. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- e. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của pháp luật;
- f. Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ và phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- g. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- h. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
- i. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của pháp luật;
- j. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Nghĩa vụ đối với Cổ đông:

- a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật;
- b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các Cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
- c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - (i). Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các Cổ đông (trừ trường hợp đối với Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - (ii). Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các Cổ đông;
 - (iii). Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các Cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các Cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Người có liên quan của những đối tượng này;
 - (iv). Tạo thu nhập cho Cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (v). Xâm phạm đến các quyền của Cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các

tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

- c. Ký hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức điện tử phù hợp với pháp luật về giao dịch điện tử với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng;
- e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - (i). Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - (ii). Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - (A). Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - (B). Cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

- a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm cố định bên ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao

dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;

- d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của người đứng tên tài khoản bằng văn bản;
 - e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g. Không được tiết lộ các nội dung đặt lệnh giao dịch của khách hàng hoặc thông tin bí mật khác có được khi thực hiện giao dịch cho khách hàng mà không phải để công bố thông tin hoặc theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;
 - h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i. Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - j. Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - k. Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
 - l. Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - m. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty
- Người hành nghề chứng khoán không được thực hiện các hành vi sau đây:
- a. Đồng thời làm việc cho từ hai (02) công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán trở lên;
 - b. Mở, quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán nơi mình không làm việc, trừ trường hợp Công ty không có nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
 - c. Thực hiện hành vi vượt quá phạm vi ủy quyền của Công ty.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Mục 1: Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 10. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 527.574.600.000 VND (bằng chữ: năm trăm hai mươi bảy tỷ năm trăm bảy mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng).

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 52.757.460 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.
2. Các loại cổ phần của Công ty:
 - a. Cổ phần phổ thông: 52.757.460 cổ phần;
 - b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;
 - c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
 - d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;
3. Những người được quyền mua các loại cổ phần ưu đãi và việc phát hành các loại cổ phần ưu đãi quy định tại các Điểm b, c, d Khoản 2 Điều này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông tại trụ sở chính của Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử hoặc kết hợp cả hai hình thức này.
4. Hội đồng quản trị quy định cụ thể việc lập, lưu trữ, thay đổi thông tin cổ đông và các vấn đề khác liên quan đến sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 13. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của Cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Các trường hợp mua lại phần cổ phần
 - a. Mua lại theo yêu cầu của Cổ đông:

- (i). Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu Cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ. Yêu cầu mua lại phần cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
- (ii). Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Tiết (i) Điểm này với giá thị trường hoặc theo thỏa thuận giữa Cổ đông với Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông và Công ty có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- b. Mua lại theo quyết định của Công ty:
Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, thẩm quyền quyết định, cách thức, trình tự và thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật.
2. Cách thức tăng Vốn điều lệ của Công ty:
 - a. Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm Vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định của pháp luật.

Mục 2: Cổ đông

Điều 17. Quyền của Cổ đông

1. Quyền của Cổ đông phổ thông
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều 25.1 của Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của Cổ đông trong Công ty;

- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - (i). Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý công ty hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - (ii). Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số

người theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

4. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm trách nhiệm của Người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh Cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.
3. Trường hợp Cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
 - a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông cử đại diện;
 - c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

CHƯƠNG III: QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Ban Tổng Giám đốc.

Mục 1: Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- i. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;
- j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- l. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 22. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp
 - a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
 - b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng phải báo cáo UBCKNN bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.
- 2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, đồng thời lựa chọn địa điểm, hình thức tổ chức họp phù hợp (hội nghị trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với trực tuyến). Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (ii). Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ;
 - (iii). Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này;
 - (iv). Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - (v). Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
 - b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Tiết (ii) Điểm a Khoản này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Tiết (iii), (iv) Điểm a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp

- a. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông.
- c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Hội đồng quản trị quy định trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- b. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ quy định tại Điều 2.3.e của Điều lệ và phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu;
- c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - (i). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

(ii). Phiếu biểu quyết.

Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này và chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 23.5 của Điều lệ.

Điều 25. Thê thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi fax, thư và thư điện tử.
2. Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên của người đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
 - c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu: cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không có ai trong số những người nêu trên không thể chủ trì cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tọa cử thư ký để lập biên bản cuộc họp. Chủ tọa đề cử để Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu để kiểm tra phiếu biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp.
4. Thông qua chương trình và nội dung họp: Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
7. Công bố kết quả kiểm phiếu: Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Trưởng ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi ban kiểm phiếu thực hiện xong nhiệm vụ kiểm phiếu tại cuộc họp.
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị hoãn trước đó.
10. Bầu thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp: Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các Cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, 7 và 8 Điều này:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
4. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 5, 7 và 8 Điều này.
5. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức sau:
- a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 22.4 của Điều lệ này.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

- (ii). Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - (iv). Vấn đề lấy ý kiến đề thông qua;
 - (v). Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi). Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- d. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- (i). Gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii). Gửi fax hoặc thư điện tử: phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - (iii). Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- e. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - (ii). Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
 - (iii). Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (iv). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v). Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (vi). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- f. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên

bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- g. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
- h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ.
- 3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 4. Trường hợp có Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản họp.
- 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Mục 2: Hội đồng quản trị

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán trong thời hạn 12 tháng; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này;
- i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện; quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người quản lý công ty nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- ii. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (bao gồm quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế làm việc của Ban Tổng Giám đốc, quy chế quản lý tài chính, quy chế kiểm soát nội bộ, quy chế quản trị rủi ro và các quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị mà pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định); quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- ni. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Xây dựng quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- pl. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty (nếu có) và người quản lý khác của Công ty;
- q. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các Cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- r. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình;

- s. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết bất kỳ quyết định nào của Tổng Giám đốc với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
 - t. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định tại và nhiệm vụ kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này;
 - u. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập văn phòng Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
 - v. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho Cổ đông trong những trường hợp sau đây:
 - (i). Công ty hoặc Người quản lý công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
 - (ii). Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - (iii). Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 10% trên vốn chủ sở hữu;
 - (iv). Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.
 - w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức họp trực tuyến. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
 5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
 6. Trường hợp các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ thì Cổ đông có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.
 7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
 - (i). Quyền được cung cấp thông tin:

- (A). Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
 - (B). Người quản lý công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
 - (C). Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
- (ii). Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
- (A). Công ty trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - (B). Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - (C). Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (D). Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- (iii). Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- b. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:
- (i). Thực hiện trách nhiệm của Người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - (ii). Công khai hóa các lợi ích và Người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
 - (iii). Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 30. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Hội đồng quản trị của Công ty có ít nhất là 03 thành viên, nhiều nhất là 11 thành viên.
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải tối thiểu là hai (02) thành viên.
 - c. Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- c. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là năm (05) năm.

Điều 31. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, Cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác.
2. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, Cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều này.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - c. Không đồng thời là tổng giám đốc (giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
 - d. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chỉ phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ đông;
 - k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - b. Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý công ty khác;
 - c. Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 11a. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
12. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 31 của Điều lệ này;
 - Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
5. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 35. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con của Công ty;
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Tiểu ban Quản trị rủi ro:
 - a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

- c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là Người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Mục 3: Ban Kiểm soát

Điều 36. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là năm (05) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 26.5 của Điều lệ này. Các Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 65% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
4. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát

của Công ty không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

5. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát như sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:

- a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này;
- f. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm trách nhiệm của Người quản lý công ty theo quy định của pháp luật thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;

- i. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
 - j. Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - k. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 - l. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - m. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - n. Xây dựng quy trình kiểm tra, kiểm soát đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Quyền của Ban Kiểm soát:
 - (i). Được cung cấp thông tin đầy đủ:
 - (A). Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - (B). Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
 - (C). Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - (D). Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch của Công ty; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
 - (E). Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời

thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

- (ii). Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật hiện hành.
- b. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
 - (i). Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - (ii). Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - (iii). Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - (iv). Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được phải hoàn trả Công ty.
- 4. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu thành viên Ban Kiểm soát có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 38. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (02) lần.
- 3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác;
- 4. Không phải là Người quản lý công ty; không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4: Ban Tổng Giám đốc

Điều 41. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
5. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm (các) Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - i. Xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Kế hoạch dự phòng phải được Hội đồng quản trị thông qua.
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
7. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - (i). Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được trả theo quy định của Công ty;
 - (ii). Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 - b. Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - (i). Thực hiện trách nhiệm của Người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
 - (ii). Công khai hóa các lợi ích và Người có liên quan theo quy định pháp luật hiện hành;
 - (iii). Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
- 3a. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
4. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này.
2. Có đơn xin từ chức.
3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- a. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là Người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - c. Có chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - e. Có tối thiểu một (01) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ.
3. Nhiệm vụ của Bộ phận Quản trị rủi ro
- a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b. Xác định rủi ro của Công ty;
 - c. Đo lường rủi ro;
 - d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

CHƯƠNG IV: XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN VÀ NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 45. Các tranh chấp có thể xảy ra

- 1. Các tranh chấp có thể xảy ra đối với Công ty bao gồm:
 - a. Giữa Cổ đông với Công ty;
 - b. Giữa Cổ đông, Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý công ty;
 - c. Giữa khách hàng hoặc đối tác của Công ty với Công ty.
- 2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 46. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

- 1. Xử lý đối với tranh chấp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 46 của Điều lệ này:
 - a. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
 - b. Đưa ra Trọng tài hoặc Tòa án: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định

của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

c. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:

(i). Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;

(ii). Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên phải chịu.

2. Xử lý đối với tranh chấp quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều 46 của Điều lệ này:

Các tranh chấp phát sinh giữa khách hàng hoặc đối tác của Công ty với Công ty sẽ trước tiên được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành thì tranh chấp được các bên đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền hoặc trọng tài tùy từng trường hợp cụ thể. Trình tự, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc trọng tài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Trong quá trình quản trị và điều hành, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý công ty khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

Điều 48. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác phải kê khai theo quy định tại Điều 50.4.b của Điều lệ.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ

ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 3, 8 Điều 26 của Điều lệ.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; Người đại diện theo pháp luật ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin
 - a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
 - b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho Cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho Cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các Cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

- c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các Cổ đông, ghi nhận những ý kiến của Cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.
3. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.
4. Công khai các lợi ích liên quan
- Việc công khai lợi ích và Người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:
- a. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - (i). Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (ii). Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
 - c. Việc kê khai quy định tại Điểm b Khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
 - d. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Điểm a, b Khoản này được thực hiện như sau:
 - (i). Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - (ii). Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
 - (iii). Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - (iv). Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Tiết (iii) Điểm này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ;

- c. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG V: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 50. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 51. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 52. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định của pháp luật.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCKNN chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

Điều 53. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức/lợi nhuận, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Trường hợp cổ tức/lợi nhuận, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở Cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
3. Ngày chốt danh sách Cổ đông và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng:
Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách Cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 55. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 56. Tổ chức lại công ty

Công ty có thể được tổ chức lại, bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình theo quy định như sau:

1. Thủ tục chia Công ty
 - a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết chia Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Nghị quyết chia Công ty phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tên các công ty sẽ thành lập; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chia tài sản Công ty; phương án sử dụng lao động; cách thức phân chia, thời hạn và thủ tục chuyển đổi cổ phần, trái phiếu của Công ty sang các công ty mới thành lập; nguyên tắc giải quyết nghĩa vụ của Công ty; thời hạn thực hiện chia Công ty. Nghị quyết chia Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động của Công ty biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- b. Các cổ đông của công ty mới được thành lập thông qua điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và tiến hành đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Thủ tục tách Công ty
- a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết tách Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Nghị quyết tách Công ty phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; tên công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; cách thức tách Công ty; giá trị tài sản, quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách Công ty. Nghị quyết tách Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động của Công ty biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định hoặc thông qua nghị quyết;
 - b. Các cổ đông của công ty được tách thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và tiến hành đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Thủ tục hợp nhất
- a. Công ty hoặc (các) công ty bị hợp nhất khác chuẩn bị hợp đồng hợp nhất, dự thảo điều lệ công ty hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty và (các) công ty bị hợp nhất khác; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi cổ phần, trái phiếu của Công ty và (các) công ty bị hợp nhất thành cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất;
 - b. Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua hợp đồng hợp nhất, điều lệ công ty hợp nhất, bầu Hội đồng quản trị công ty hợp nhất và tiến hành đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động của Công ty biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua.
4. Thủ tục sáp nhập
- a. Các công ty liên quan chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo điều lệ công ty nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty và công ty nhận sáp nhập/bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi cổ phần, trái phiếu của Công ty/công ty bị sáp nhập thành cổ phần, trái phiếu của công ty nhận sáp nhập/Công ty; thời hạn thực hiện sáp nhập;
 - b. Đại hội đồng cổ đông và các cổ đông của các công ty bị sáp nhập/nhận sáp nhập thông qua hợp đồng sáp nhập, điều lệ Công ty/công ty nhận sáp nhập và tiến hành đăng ký doanh nghiệp Công ty/công ty nhận sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động của Công ty biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua.
5. Chuyển đổi loại hình Công ty
- a. Công ty có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo phương thức sau đây:

- (i). Một Cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương ứng của tất cả Cổ đông còn lại;
- (ii). Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là Cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả Cổ đông;
- (iii). Công ty chỉ còn lại một (01) Cổ đông.

Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của Công ty.

- b. Công ty có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo phương thức sau đây:

- (i). Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà không huy động thêm hoặc chuyển nhượng cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác;
- (ii). Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đồng thời huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;
- (iii). Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đồng thời chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác góp vốn;
- (iv). Công ty chỉ còn lại hai (02) cổ đông;
- (ii). Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c Khoản này và các phương thức khác.

Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của Công ty.

Điều 57. Giải thể

- 1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty và được UBCKNN chấp thuận;
 - b. UBCKNN thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng Cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình Công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
- 3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 58. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được ưu tiên áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG VIII: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm tám (08) Chương, sáu mươi (60) Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2026.
2. Điều lệ này được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2026. Bản điều lệ được ban hành ngày 18/04/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này chính thức có hiệu lực.
6. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu):



NGUYỄN ANH TRUNG

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp số 59”); Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán số 54”); Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“Nghị định 155”); Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 245”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Alpha (hiện hành);
- Căn cứ định hướng Công ty trở thành công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM;
- Căn cứ nhu cầu công việc và tình hình thực tế của Công ty,

Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Chi tiết sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục đính kèm).

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Chi tiết sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục đính kèm).

3. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện công việc cần thiết liên quan đến thủ tục ký, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy

PHỤ LỤC:
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

“QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY” VÀ “QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ”

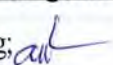
(Đính kèm Tờ trình số Q8/2026/TTr-DHDCD ngày 24/04/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

1. Căn cứ pháp lý và giải thích

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp số 59”); Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (Luật số 03); Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 (Luật số 76);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán số 54”); Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (Luật số 56);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“Nghị định 155”); Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 245”);
- Căn cứ định hướng Công ty trở thành công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Alpha (hiện hành);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Alpha (hiện hành);

Giải thích:

- Nội dung được đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc xóa bỏ trong cột **“Nội dung hiện hành”** là các nội dung được gạch chân;
- Nội dung được gạch chân, in đậm trong cột **“Đề xuất sửa đổi, bổ sung”** là nội dung đã sửa đổi, bổ sung tương ứng; 

- Nội dung Chưa có trong cột “Nội dung hiện hành” được bổ sung hoàn chỉnh bằng nội dung tương ứng bên cột “Đề xuất sửa đổi, bổ sung”.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung “QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY”

STT	Nội dung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
1	Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 Điều 2. Giải thích thuật ngữ:	Chưa có.	7a. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	Điểm d khoản 1 Điều 1 của Luật số 76/2025/QH15
2	Sửa đổi điểm b khoản 11 Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông...	b) Các nghị quyết được thông qua khi được cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ 08 nội dung...	b) Các nghị quyết được thông qua khi được cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> , trừ 08 nội dung...	Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
3	Bổ sung điểm o1 vào sau điểm o khoản 2 Điều 7. Hội đồng quản trị	Chưa có.	o1. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	Điểm b khoản 81 Điều 1 Nghị định 245
4	Bổ sung điểm p1 vào sau	Chưa có.	p1. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị	Điểm a khoản

STT	Nội dung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	điểm p khoản 2 Điều 7. Hội đồng quản trị		công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty.	81 Điều 1 Nghị định 245
5	Bổ sung Gạch đầu dòng thứ 3 sau Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 3 Điều 7. Hội đồng quản trị	Chưa có.	- Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau: + Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; + Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; + Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245
6	Bổ sung Gạch đầu dòng thứ 4 sau Gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 3 Điều 7. Hội đồng quản	Chưa có.	- Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245

STT	Nội dung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	trị			
7	Sửa đổi Gạch đầu dòng thứ 9 điểm i khoản 5 Điều 7. Hội đồng quản trị	- ... từ chối ký Biên bản họp theo quy định tại điểm k <u>khoản 4</u> Điều này.	- ... từ chối ký Biên bản họp theo quy định tại điểm k <u>khoản 5</u> Điều này.	Sai dẫn chiếu
8	Bổ sung Gạch đầu dòng thứ 10 sau Gạch đầu dòng thứ 9 điểm i khoản 5 Điều 7. Hội đồng quản trị	Chưa có.	- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59
9	Bổ sung Đoạn 2 vào sau Đoạn 1 điểm k khoản 5 Điều 7. Hội đồng quản trị	Chưa có.	Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.	Khoản 6 Điều 7 Luật số 03
10	Bổ sung Gạch đầu dòng thứ 2 vào sau Gạch đầu dòng thứ nhất điểm b	Chưa có.	- Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ,	Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245

STT	Nội dung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	khoản 2 Điều 9. Tổng Giám đốc		người đại diện phần vốn của nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	
11	Sửa đổi Điều 11. Hiệu lực thi hành	Điều 11. Hiệu lực thi hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha bao gồm <u>011 điều</u> , được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2025</u> thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2025.	Điều 11. Hiệu lực thi hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha bao gồm <u>11 điều</u> , được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2026</u> thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ <u>ngày 24 tháng 4 năm 2026</u> .	Sửa lỗi soạn thảo và cập nhật ngày hiệu lực

an

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung “QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ”

STT	Nội dung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
1	Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Chưa có.	4. Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau: - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245
2	Sửa đổi khoản c Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</u>	c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</u>	Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245
3	Sửa đổi khoản đ Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty (nếu có).	đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ <u>Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</u> (nếu có).	Điều lệ và Quy chế nội bộ có quy định các điều kiện khác
4	Bổ sung điểm o1 vào sau điểm o khoản 2 Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có.	o1. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	Điểm b khoản 81 Điều 1 Nghị định 245

STT	Nội dung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
5	Bổ sung điểm q1 vào sau điểm q khoản 2 Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có.	q1. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty.	Điểm a khoản 81 Điều 1 Nghị định 245
6	Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Chưa có.	2a. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.	Khoản 6 Điều 7 Luật số 03
7	Sửa đổi Điều 26. Hiệu lực thi hành	..., đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2025</u> thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày <u>18 tháng 04 năm 2025</u> .	..., đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2026</u> thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày <u>24 tháng 04 năm 2026</u> .	Cập nhật ngày hiệu lực

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán tại Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-DHDCD-APSC ngày 24 tháng 04 năm 2026.

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha ("Quy chế") quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.
2. “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha;
3. “Luật Chứng khoán” là số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
4. “Luật Doanh nghiệp” là số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
5. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
6. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
7. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
- 7a. “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
8. “Người quản lý công ty” bao gồm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công ty.
9. “Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người quản lý công ty khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
10. “Người phụ trách Quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế này.
11. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán; khoản 23, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
12. “Thông tin nội bộ” là thông tin liên quan đến Công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của Công ty.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền, nghĩa vụ bằng cách thảo luận, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Các vấn đề thuộc thẩm quyền thảo luận và thông qua của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c) quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ công ty có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

được lập không quá **10** ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Khi trở thành Công ty đại chúng, Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu **20** ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

c) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là **03** ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên thì chậm nhất là **02** ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng theo thời hạn quy định;

- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ các trường hợp từ chối nêu bên trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

d) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

d) Quy định về hiệu lực của phiếu biểu quyết nêu trên không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: theo hướng dẫn đăng ký dự họp do Công ty quy định trên Thông báo mời họp;

8. Điều kiện tiến hành:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **30** ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20** ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

a) Nghị quyết về **08 nội dung** sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 5, 7 và 8 Điều 26 Điều lệ Công ty:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ 08 nội dung được đề cập trên đây và khoản 3, 5, 7 và 8 Điều 26 Điều lệ Công ty.
- c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

12. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi hoàn thành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn **90** ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 11 Điều 4 Quy chế này;
- Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

b) Trường hợp chủ tọa, thư ký **từ chối ký** biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

d) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

e) Biên bản họp là loại thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, theo quy định tại Điều lệ công ty và Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

g) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 9 Điều 4 Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

đ) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là loại thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, theo quy định tại Điều lệ công ty và Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

h) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

i) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Bên cạnh hình thức tổ chức hội nghị trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường của Công ty có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến trong trường hợp xảy ra:

- Các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật; và/hoặc

- Các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức *hội nghị trực tuyến* hoặc *hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến*, Hội đồng quản trị sẽ ban hành và công bố thông tin về “Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/trực tuyến kết hợp với hội nghị trực tiếp” theo đúng thời hạn quy định của pháp luật.

Điều 7. Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o1) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p1) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;
- q) Quyền được cung cấp thông tin:
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng

Giám đốc, Người quản lý công ty khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;

- Người quản lý công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có ít nhất là 03 thành viên, nhiều nhất là 11 thành viên;

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

- Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

+ Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

+ Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

+ Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

- Không đồng thời là tổng giám đốc (giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

- Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

c) Đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới

50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

(ii) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

(iii) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông **miễn nhiệm** thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều

này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Đại hội đồng cổ đông **bãi nhiệm** thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại **điểm d** này.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định tại **điểm d** này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán. Tờ trình về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý công ty khác;

- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các đề nghị nêu trên.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm soát:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều 35 Điều lệ công ty;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp theo quy định tại điểm k khoản 5 Điều này;
- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Tùy theo tính chất, nội dung của cuộc họp, việc thông báo hoặc công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 01 người. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành sẽ chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7. Người phụ trách quản trị công ty

a) Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

c) Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

d) Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các

thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý công ty khác.
 - d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.
 - đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
 - h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- ##### **2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát**
- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 65% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát bị **miễn nhiệm** trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Thành viên Ban Kiểm soát bị **bãi nhiệm** trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

- Thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Tờ trình về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát:

- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được trả sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 9. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
- a) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:
- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- b) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc được quy định chi tiết tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
- c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:
- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:
- Thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- đ) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:
- Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 10. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
- a) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban Kiểm soát:
- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty;

b) Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong mối quan hệ phối với Hội đồng quản trị

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

- Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng căn bản (không chậm hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, Ban Kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Ban Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ công ty.

Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý công ty khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các Thông tin nội bộ chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Ban Tổng Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban

Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không chậm hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Ban Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Ban Tổng Giám đốc trước khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban Kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban Kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

Các nội dung khác Ban Kiểm soát cần xin ý kiến của Ban Tổng Giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Ban Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

4. Phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Ban Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát sớm nhất có thể nhưng không muộn hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

Ban Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

Các nội dung khác Ban Tổng Giám đốc cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

5. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty

Hàng năm, Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty khác.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha bao gồm 11 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
ALPHA
VŨ THỊ THU THỦY



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-DHDCD-APSC ngày 24 tháng 04 năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách

nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 thành viên, nhiều nhất là 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có).

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử của hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử của bốn (04) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o1) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q1) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên

được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng

quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên

trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến

của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

2a. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

Đơn vị hoặc cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị thi hành kỷ luật với các hình thức tương xứng theo quy định hiện hành của Công ty.

Điều 25. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Hội đồng quản trị thực hiện và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha bao gồm 07 chương, 26 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ CTCP Chứng khoán Alpha;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát ("BKS") nhiệm kỳ 2023 – 2028 của bà Lưu Hồng Huệ đề ngày 09/01/2026;
- Căn cứ tình hình thực tế hoạt động của CTCP Chứng khoán Alpha,

Hội đồng quản trị ("HDQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("ĐHĐCD") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS cho khoảng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

I. Miễn nhiệm thành viên BKS

Ngày 09/01/2026, HDQT Công ty nhận được đơn từ nhiệm thành viên BKS:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Đơn từ nhiệm
1	Bà Lưu Hồng Huệ	Trưởng BKS	18/07/2025	Đề ngày 09/01/2026

HDQT báo cáo và kính đề nghị ĐHĐCD thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS theo đơn từ nhiệm của bà Lưu Hồng Huệ.

II. Bầu bổ sung thành viên BKS

Sau khi ĐHĐCD miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Lưu Hồng Huệ, BKS của Công ty chỉ còn 2 thành viên – không đủ số lượng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Vì vậy, HDQT kính đề nghị ĐHĐCD thông qua việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

- Số lượng bầu bổ sung: 01 người
- Nhiệm kỳ: Theo thời gian còn lại của BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028
- Cách thức đề cử, ứng cử, tiêu chuẩn ứng cử viên và cách thức bầu: Theo Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028
- Thông tin ứng viên: *anh*



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD/CC/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Vị trí được đề cử
1	Ông Nguyễn Ngọc Khang				Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thành viên BKS

Căn cứ vào hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên BKS, kính đề nghị ĐHĐCĐ tiến hành bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của
Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha,

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động của Công ty, chủ động nắm bắt những cơ hội để phát triển hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

1. Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh và ngân sách hoạt động kinh doanh năm 2026 phù hợp diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của pháp luật;

2. Quyết định đầu tư, thế chấp hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

3. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan tới thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc;

b) Các hợp đồng hoặc giao dịch với Người có liên quan quy định tại Khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

4. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

5. Ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định các hợp đồng và giao dịch liên quan đến:

(i) Hồ sơ vay vốn;

(ii) Hồ sơ thế chấp tài sản tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;

(iii) Hồ sơ mua, bán, cầm cố, bảo lãnh thế chấp theo quy định của pháp luật.

HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên (nếu phát sinh) trước Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy





Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2023-2028**

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 24 tháng 04 năm 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của CTCP Chứng khoán ALPHA được tổ chức tại Tầng 5, 14 Láng Hạ, P. Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội thông qua bao gồm:

- Bà Bùi Lê Na – Trưởng ban
- Bà Nguyễn Minh Tú – Thành viên
- Bà Phạm Hoàng Lan – Thành viên

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết danh sách đề cử để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát (BKS) Công ty CP Chứng khoán Alpha nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:
Danh sách ứng viên bao gồm:

- Ông Nguyễn Ngọc Khang – Thành viên BKS

Ban Kiểm phiếu đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và thực hiện đúng quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong Đại hội ngày hôm nay.

Tại thời điểm tiến hành bầu cử, tổng số cổ đông đăng ký tham dự và được ủy quyền tham dự là 7 cổ đông, sở hữu 43.457.460 cổ phần, chiếm 82,37% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, tương ứng với 43.457.460 phiếu bầu.

Kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

- Tổng số phiếu phát ra: 04 phiếu, tương ứng 43.457.460 phiếu bầu
- Tổng số phiếu thu vào: 04 phiếu, tương ứng 43.457.460 phiếu bầu

Trong đó:

- + Số phiếu hợp lệ: 04 phiếu, tương ứng 43.457.460 phiếu bầu
- + Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương đương 0 phiếu bầu

Kết quả bầu cử:

STT	Danh sách ứng viên	Số phiếu được bầu	Bầu lần
1	Ông Nguyễn Ngọc Khang	43.457.460	Lần 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ CTCP Chứng khoán Alpha, Quy chế bầu cử đã được thông qua tại Đại hội và kết quả kiểm phiếu. Danh sách ứng viên trúng cử là Thành viên Ban Kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 gồm các ông/bà có tên dưới đây:

STT	Danh sách ứng viên	Số phiếu được bầu	Kết quả
1	Ông Nguyễn Ngọc Khang	43.457.460	Trúng cử

Việc kiểm phiếu được kết thúc bằng việc lập Biên bản kiểm phiếu vào lúc 10 giờ 45 phút cùng ngày.

Biên bản này đã được tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội.

Biên bản này bao gồm 02 (hai) trang, được các thành viên Ban Kiểm phiếu ký tên và bàn giao cho Thư ký Đại hội.

BAN KIỂM PHIẾU

Thành viên



Nguyễn Minh Tú

Trưởng ban



Bùi Lê Na

Thành viên



Phạm Hoàng Lan